

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ: **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO**

ĐỊA CHỈ: SỐ 66 QUỐC LỘ 30 PHƯỜNG MỸ PHÚ THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP.

DỰ ÁN: **“CÁC NHÀ MÁY SẢN XUẤT DƯỢC PHẨM, THỰC PHẨM – THỰC
PHẨM CHỨC NĂNG ĐẠT GMP-WHO”**

CTY CỔ PHẦN XNY Y TẾ DOMESCO
TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
GĐ AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG

THÀNH PHỐ CAO LÃNH THÁNG 04 NĂM 2022

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	3
DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ	4
CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	5
1. Tên chủ cơ sở	5
2. Tên cơ sở	5
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	6
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	6
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	6
3.3. Sản phẩm của cơ sở	10
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	12
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	13
CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	14
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	14
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	14
CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	15
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	15
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	15
1.2. Thu gom, thoát nước thải	16
1.3. Xử lý nước thải	17
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	19
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	22
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	22
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	24
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	25
6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải	25
6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý bụi và khí thải	25
6.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với kho chứa chất thải	26
6.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hóa chất	26

6.4.1. Biện pháp quản lý	26
6.4.2. Biện pháp kỹ thuật	27
6.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ	27
6.6. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố lây lan dịch bệnh	28
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có)	28
CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	29
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	29
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	29
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có)	30
CHƯƠNG V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	31
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	31
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải	35
3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lắp báo cáo	36
CHƯƠNG VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	37
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	37
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	37
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	37
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	38
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường khác	38
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	38
CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	40
CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	41

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ

CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

AHU	<i>Air handing system</i> – Hệ thống điều hòa không khí
AI	Bao bì nhôm
BTNMT	Bộ tài nguyên môi trường
BVMT	Bảo vệ môi trường
BOD	Nhu cầu oxy sinh hóa
BTCT	Bê tông cốt thép
CB-NLĐ	Cán bộ người lao động
CCN	Cụm công nghiệp
COD	Nhu cầu oxy hóa học
DN	Đường kính ngoài
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
GMP	Thực hành tốt sản xuất thuốc
GLP	Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm thuốc
GPMT	Giấy phép môi trường
GPS	<i>Global Positioning System</i> – hệ thống định vị xe
KQ	Kết quả
PCCC&CNCH	Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ
QA	Đảm bảo chất lượng
QCVN	Qui chuẩn Việt Nam
RO	<i>Reverse osmosis</i> - Thẩm thấu ngược
SX	Sản xuất
TCCS	Tiêu chuẩn cơ sở
TSS	Chất rắn lơ lửng
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TN&MT	Tài nguyên và môi trường
TP-TPCN	Thực phẩm – thực phẩm chức năng
UBND	Ủy ban nhân dân
WHO	Tổ chức Y tế thế giới

DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ

Sơ đồ 1: sơ đồ đường đi của các mẫu thử phòng kiểm nghiệm	7
Sơ đồ 2: quy trình công nghệ chung sản xuất sản phẩm dược, thực phẩm bảo vệ sức khỏe	8
Sơ đồ 3: sơ đồ minh họa hệ thống thu gom, thoát nước mưa	15
Sơ đồ 4: sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải	16
Sơ đồ 5: sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải	18
Sơ đồ 6: sơ đồ qui trình xử lý khí thải điều hòa không khí trung tâm	20
Sơ đồ 7: sơ đồ qui trình xử lý khí thải nhà máy Betalactam (Cephalosporin), nhà máy Penicilin và khu kiểm nghiệm	22
Sơ đồ 8: sơ đồ ứng phó các sự cố của công ty DOMESCO	28

Bảng 1: tóm tắt các số liệu thực tế năm 2021 so sánh với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt	13
Bảng 2: thay đổi xử lý bùn thải của hệ thống xử lý nước thải	17
Bảng 3: hóa chất và sinh phẩm của hệ thống xử lý nước thải sử dụng năm 2021	19
Bảng 4: điện năng tiêu thụ của hệ thống xử lý nước thải năm 2021	19
Bảng 5: mức độ xử lý của các cấp độ lọc	21
Bảng 6: khối lượng chủng loại phế liệu phát sinh và so sánh với ĐTM	22
Bảng 7: chủng loại CTNH phát sinh theo năm và so sánh với ĐTM	23
Bảng 8: khối lượng CTNH phát sinh hàng tháng và so sánh với ĐTM	24
Bảng 9: kết quả quan trắc nước thải năm 2021	31
Bảng 10: kết quả quan trắc khí thải vết betalactam năm 2021	35
Bảng 11: kết quả quan trắc khí thải kiểm nghiệm năm 2021	35
Bảng 12: chương trình quan trắc chung của dự án	37
Bảng 13: kinh phí quan trắc của dự án	38

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở:

- Địa chỉ văn phòng: số 66, Quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: **Bà LƯƠNG THỊ HƯƠNG GIANG – chức vụ TỔNG GIÁM ĐỐC.**

- Điện thoại: 02773.859370;

Fax: 02773.851270;

Email: domesco@domesco.com

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1400460395 đăng ký lần thứ 34 ngày 26 tháng 07 năm 2016.

2. Tên cơ sở: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

- Địa điểm cơ sở: số 66, Quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Tổng diện tích: 9.126,7 m², hướng Đông giáp khu dân cư, hướng Tây giáp đường Hải Thượng Lãn Ông, hướng Nam giáp sông Cái Sao Thượng, hướng Bắc giáp quốc lộ 30. Vị trí từ hồ ga lấy mẫu nước thải (điêm xả thải) trên đường Hải Thượng Lãn Ông đến sông Cái Sao Thượng khoảng 150 m.

Các công trình chính của cơ sở không thay đổi theo báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) như sau:

+ Nhà máy Nonbetalactam: sản xuất các loại thuốc hóa dược nhóm Nonbetalactam, xây dựng vào năm 2002 với diện tích 1.127 m².

+ Nhà máy Betalactam (Cephalosporin): sản xuất các loại thuốc kháng sinh nhóm betalactam, xây dựng vào năm 2003 với diện tích 396 m².

+ Nhà máy Penicilin: sản xuất các loại thuốc kháng sinh nhóm penicillin, xây dựng từ trước năm 2002 với diện tích 484,4 m².

+ Khu kiểm nghiệm: chức năng kiểm nghiệm tất cả các nguyên liệu, bán thành phẩm từng công đoạn và thành phẩm của các nhà máy sản xuất, xây dựng từ năm 2006 với diện tích 321,5 m².

+ Khu Văn phòng: thực hiện tất cả công tác hành chính, xây dựng từ năm 1997, với diện tích 395,4 m².

+ Nhà máy TP-TPCN: sản xuất các mặt hàng thực phẩm bảo vệ sức khỏe, cải tạo từ Tổng kho năm 2013, diện tích 504 m².

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM dự án: “*Các nhà máy sản xuất dược phẩm, thực phẩm – thực phẩm chức năng đạt GMP – WHO*” tại quyết định số 352/QĐ-UBND.HC ngày 11/04/2013 của UBND tỉnh Đồng Tháp, đã được Sở

TN&MT Đồng Tháp xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại giấy xác nhận số 1845/STNMT-CCBVMT ngày 05/12/2013.

- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 842/GP-UBND ngày 25/07/2017 do UBND tỉnh Đồng Tháp cấp, thời hạn 5 năm kể từ ngày ký.

- Quy mô của cơ sở (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*): dự án “*Các nhà máy sản xuất dược phẩm, thực phẩm – thực phẩm chức năng đạt GMP – WHO*” có tổng mức vốn đầu tư: khoảng 55 tỉ đồng (*Năm mươi năm tỉ đồng*) là dự án đầu tư đang hoạt động ổn định, đã được UBND tỉnh Đồng Tháp phê duyệt quyết định ĐTM và đã được xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường, thuộc mục số 2, II Dự án nhóm C được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, có phát sinh nước thải, bụi, khí thải phải được xử lý hoặc có phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải Phụ lục V, nhóm III, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều Luật Bảo vệ môi trường. Do giấy phép xả nước thải vào nguồn nước sẽ hết hạn vào ngày 25/07/2022 nên dự án này thuộc đối tượng phải lập hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường (GPMT). Hồ sơ đề xuất cấp GPMT của dự án trình UBND tỉnh phê duyệt.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

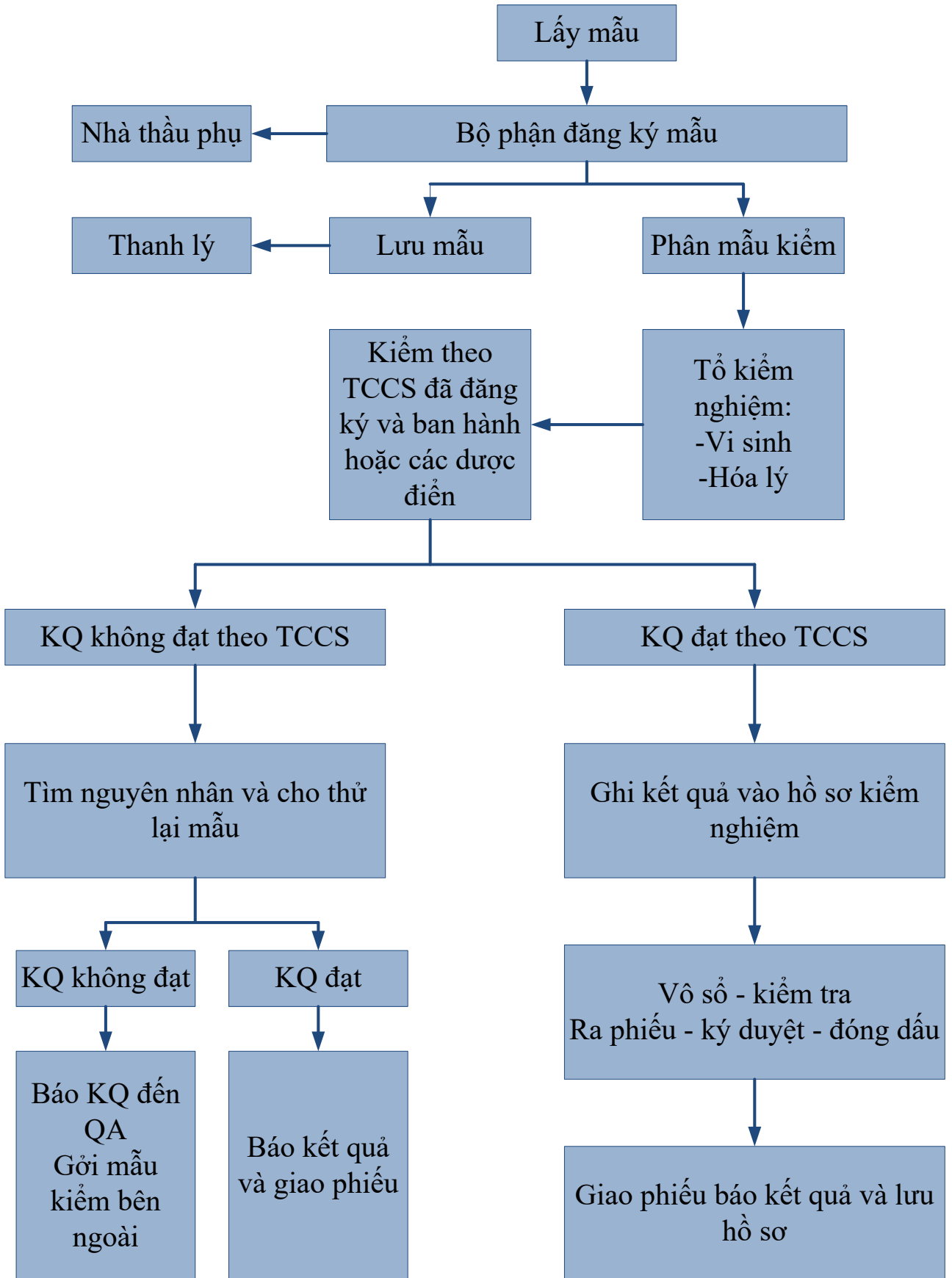
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở: theo ĐTM khoảng 173.000.000 đvsp/tháng.

Các dòng sản phẩm bao gồm thuốc nhóm Nonbetalactam, nhóm Cephalosporin, nhóm Penicilin và nhóm Thực phẩm bảo vệ sức khỏe. Sản lượng thực tế năm 2021 khoảng 86.800.000 đvsp/tháng (*Nguồn: theo số liệu năm 2021 của Kế hoạch sản xuất – DOMESCO*).

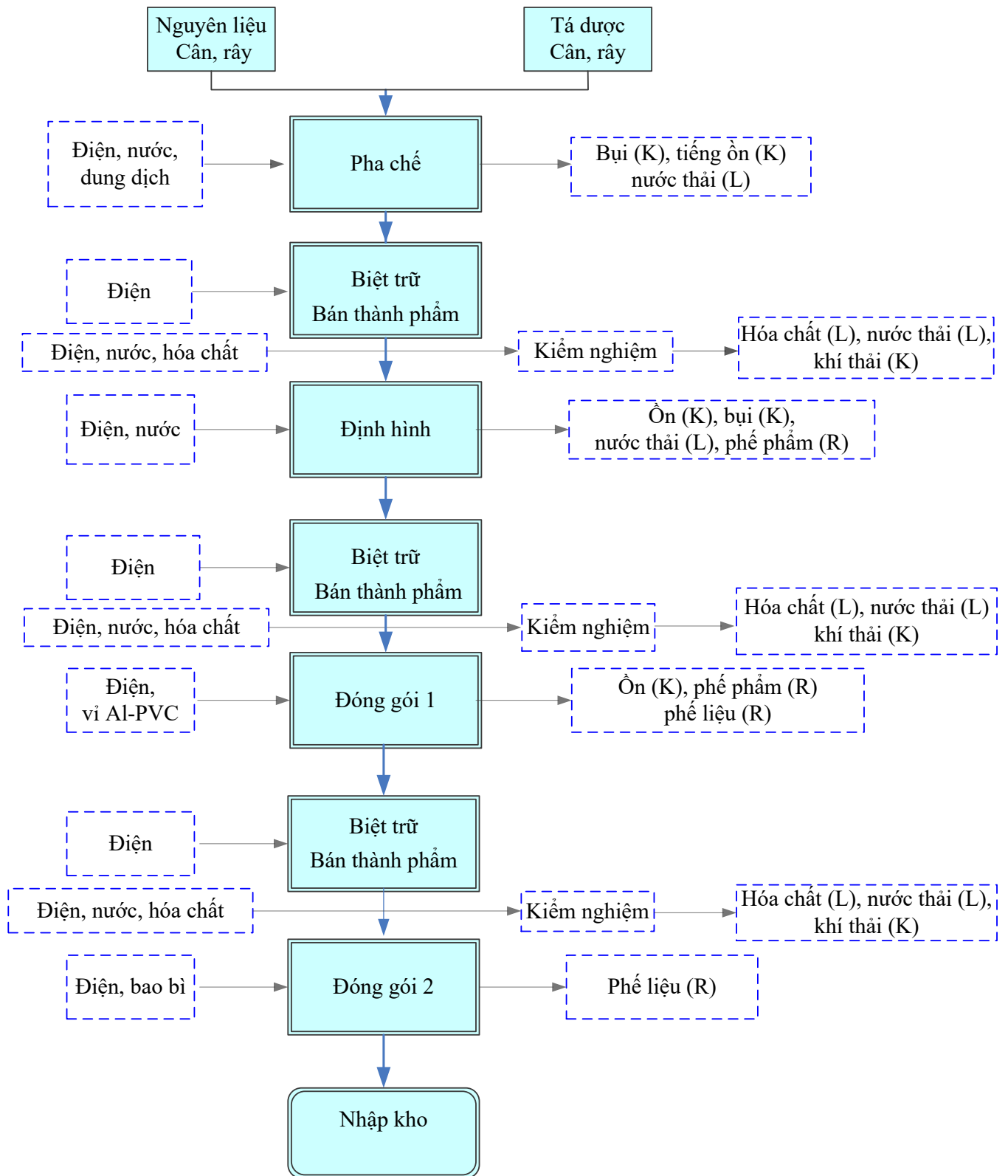
Ngoài ra, tại cơ sở còn có 1 phòng kiểm nghiệm hiện đại đạt tiêu chuẩn GLP (*Good Laboratory Practices*), được công nhận theo ISO 17025:2017, phục vụ kiểm nghiệm toàn bộ các nguyên liệu, bán thành phẩm và thành phẩm của các nhà máy sản xuất, công suất kiểm nghiệm khoảng 30.000 mẫu/năm (*Nguồn: theo số liệu năm 2021 kiểm được khoảng 10.000 mẫu của phòng Kiểm tra chất lượng - DOMESCO*).

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Sản phẩm của các nhà máy sản xuất dược phẩm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe được phân làm 9 dạng bào chế chính, bao gồm: dạng bào chế viên nén trộn khô, viên nén trộn ướt, viên nang trộn ướt, viên bao phim, viên nang trộn thẳng, thuốc gói, viên bao đường, viên nang mềm, viên nén sủi. Việc kiểm nghiệm tất cả các công đoạn và quy trình sản xuất chung được thực hiện như sau:



Sơ đồ 1: sơ đồ đường đi của các mẫu thử phòng kiểm nghiệm



Sơ đồ 2: quy trình công nghệ chung sản xuất sản phẩm dược, thực phẩm bảo vệ sức khỏe

Thuyết minh quy trình:

Đây là quy trình chung, quy trình chi tiết cho từng dạng sản phẩm đã trình bày rõ trong ĐTM nên xin phép không nêu trong báo cáo này.

Chuẩn bị:

- Vệ sinh phòng pha chế, máy móc thiết bị và các dụng cụ dùng trong pha chế.
 - Chuẩn bị nguyên phụ liệu theo công thức.
-

Pha chế:

- Cân, rây tất cả các nguyên liệu và tá dược, đong nước tinh khiết hay cồn theo đúng công thức.

- Pha dung dịch chất làm dính (nếu có): cho từ từ nước tinh khiết vào máy khuấy dịch, sau đó cho từ từ đến hết lượng chất làm dính vào khuấy cho đến khi tan hoàn toàn.

- Cho nguyên liệu và tá dược vào máy trộn, trộn khô theo đúng thời gian quy định. Sau đó, cho tiếp dung dịch chất làm dính vào trộn ướt theo đúng thời gian quy định.

- Lấy bột nhào ra đem xát hạt, sau đó sấy, sửa hạt.

- Cho cốm sau sửa hạt vào máy trộn chữ V trộn tá dược trơn, trộn hoàn tất theo đúng thời gian quy định.

- Lấy mẫu kiểm nghiệm bán thành phẩm.

Định hình:

- Dập viên theo khối lượng quy định, thường xuyên kiểm tra khối lượng viên.
- Vô chai, lấy mẫu kiểm nghiệm thành phẩm. Mẫu đạt tiến hành nhập kho, xuất xưởng.

- Vô nang theo khối lượng quy định, thường xuyên kiểm tra khối lượng viên.

- Bao phim theo khối lượng quy định, thường xuyên kiểm tra khối lượng viên.

- Lấy mẫu kiểm nghiệm bán thành phẩm.

Đóng gói 1:

- Vô chai, vô tuýp, ép vỉ, vô gói theo quy cách đã đăng ký với Cục Quản lý Dược, Cục An toàn thực phẩm.

- Lấy mẫu kiểm nghiệm bán thành phẩm.

Đóng gói 2:

- Vô hộp, túi, đóng thùng theo quy cách đã đăng ký với Cục Quản lý Dược, Cục An toàn thực phẩm.

- Nhập kho thành phẩm.

3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Sản phẩm của DOMESCO được Cục Quản lý Dược Việt Nam; Cục An toàn Thực phẩm cấp phép sản xuất và lưu hành. Đến nay, DOMESCO đã nghiên cứu và cho ra thị trường hơn 350 sản phẩm bao gồm:

- Thuốc hóa dược: tim mạch, tiểu đường, kháng sinh, hạ đau giảm sốt, hô hấp, tiêu hóa, khoáng chất vitamin;
- Thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

Nhiều sản phẩm được Bộ Y tế trao giải thưởng Ngôi sao Thuốc Việt, được người dân tin tưởng sử dụng rộng rãi như: Amlodipin, Ofmantine-DOMESCO 625mg, Amoxicillin 500mg, Prednison 5mg, Đường ăn kiêng Aspamic, Viên ngậm Vitamin C,... DOMESCO luôn hướng tới mục tiêu các sản phẩm của Công ty sản xuất được sử dụng thay thế cho sản phẩm ngoại nhập, củng cố lòng tin cho người tiêu dùng sử dụng hàng trong nước có chất lượng và hiệu quả điều trị có thể được đánh giá tương đương với hàng ngoại nhập.

Một số sản phẩm tiêu biểu của DOMESCO:

Tim mạch – Tiểu đường



Đây là dòng sản phẩm đóng góp doanh thu lớn nhất cho DOMESCO, được DOMESCO không ngừng đầu tư, nghiên cứu để phát triển. Nhiều sản phẩm đạt tương đương sinh học có hiệu quả điều trị tương đương với thuốc phát minh của các công ty đa quốc gia. Các sản phẩm này là niềm tự hào của DOMESCO và được giới chuyên môn đánh giá cao.

Giảm đau - kháng viêm



Kháng sinh

Với nhiều năm kinh nghiệm trong sản xuất thuốc, DOMESCO đã không ngừng nghiên cứu và cho ra các dòng sản phẩm kháng sinh phù hợp với mô hình bệnh tật và đặc biệt phù hợp với thể trạng người Châu Á. Sản phẩm của DOMESCO đều được sản xuất trên dây chuyền sản xuất hiện đại, được chứng nhận tương đương sinh học và các tiêu chuẩn khác trong sản xuất thuốc và đã được Bộ Y tế cấp phép lưu hành.



Thực phẩm bảo vệ sức khỏe



Khi chất lượng cuộc sống được nâng lên, khuynh hướng người tiêu dùng ngăn ngừa bệnh bằng cách sử dụng những sản phẩm nhằm bảo vệ sức khỏe. Vì lý do đó, DOMESCO nghiên cứu cho ra thị trường dòng sản phẩm Thực phẩm bảo vệ sức khỏe được sản xuất trong nhà máy đạt chuẩn GMP.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

- Nguyên liệu: các loại nguyên liệu hóa dược, tá dược được nhập khẩu từ các nguồn ngoài nước tùy theo kế hoạch sản xuất thực tế của nhà máy, khối lượng phụ thuộc vào dạng sản phẩm. Các loại bao bì đầu vào dự kiến như sau: chai nhựa, nắp nhựa; chai thủy tinh, nắp nhôm; bao bì Al hoặc PVC; nắp trong; hộp bao ngoài, giấy xếp toa, thùng carton, bao ny lon, chai PET, màng co...; khối lượng phục vụ cho sản lượng đã nêu tại mục 3.1.

- Nhiên liệu: chủ yếu là xăng dầu phục vụ cho các xe vận tải hàng hóa của Công ty và một phần rất nhỏ dành máy phát điện cho khu vực Văn phòng khi điện lưới bị cúp. Tiêu thụ hàng năm khoảng 72.000 lít/năm (*số liệu thực tế năm 2021*);

- Phế liệu: hợp đồng bán cho các đơn vị có chức năng thu gom xử lý; các loại phế liệu tái chế được từ quá trình sản xuất bao gồm bao bì carton, giấy vụn, các loại thùng giấy, thùng nhựa, bao ny lon... với khối lượng khoảng 4.000 kg/tháng (*số liệu thực tế năm 2021*).

- Điện năng sử dụng từ nguồn điện lưới quốc gia qua trạm biến áp 3.000 KVA của công ty đầu tư. Ngoài ra công ty còn trang bị 01 máy phát điện dự phòng cho khu Văn phòng với công suất là 220 KVA. Điện năng tiêu thụ thực tế khoảng 3.200.000 KW/năm (*số liệu năm 2021*).

- Nguồn nước Công ty sử dụng là nguồn nước thủy cục do Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp (Dowasen) cung cấp, sử dụng trực tiếp cung cấp sinh hoạt và vệ sinh cho công ty. Nước cấp cho các nhà máy sản xuất là nước đã xử lý sau lọc RO, đã loại hết các tạp chất và vi sinh theo quy định ngành dược. Lượng sử dụng thực tế năm 2021 khoảng 1.159 m³/tháng.

- Hóa chất sử dụng: hóa chất sử dụng phục vụ cho kiểm nghiệm, xử lý môi trường và vệ sinh trong ngoài các nhà máy sản xuất. Các loại hóa chất nguy hiểm được quản lý chặt chẽ theo đúng quy định, khối lượng các hóa chất nguy hiểm năm 2021 là 4.239,4 kg.

Tóm lại, tất cả các số liệu và tác động môi trường đều phù hợp với nội dung ĐTM đã được phê duyệt.

Bảng 1: tóm tắt các số liệu thực tế năm 2021 so sánh với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt:

TT	Nội dung	ĐVT	Theo quyết định số 352/QĐ-UBND.HC ngày 11/04/2013	Số liệu thực tế năm 2021
1	Công suất (sản lượng)	Đvsp/tháng	173.000.000	86.800.000
	Nhà máy Nonbetalactam	-	100.000.000	66.400.000
	Nhà máy Cephalosporin	-	13.000.000	4.500.000
	Nhà máy Penicillin	-	20.000.000	9.600.000
	Nhà máy TP-TPCN	-	40.000.000	6.300.000
2	Nguyên liệu, bao bì	kg/tháng	Đáp ứng theo sản lượng	Đáp ứng theo sản lượng
3	Nhiên liệu (xăng, dầu)	lít/năm	-	72.000
4	Phế liệu	kg/tháng	7.820	4.000
5	Điện	kW/năm	2.800.000	3.200.000
6	Nước	m ³ /tháng	2.835	1.159
7	Hóa chất	kg/lít/năm	-	4.239,4

(Nguồn: phòng AT-SK-MT tổng hợp số liệu năm 2021 của DOMESCO)

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:

- Việc sản xuất nước uống đóng chai, đóng bình theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại quyết định số 352/QĐ-UBND.HC ngày 11/04/2013 đã không còn thực hiện tại số 66 quốc lộ 30 phường Mỹ Phú thành phố Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp từ cuối năm 2013. Như vậy ngoài các tác động môi trường đã được đánh giá trong báo cáo ĐTM, tác động tiêu cực đến môi trường do việc sản xuất nước uống đóng chai, đóng bình đã hoàn toàn được loại bỏ khỏi địa điểm này.

- Công ty đã trả giấy phép khai thác nước ngầm và dừng khai thác từ 01/07/2020 theo chủ trương của Tỉnh, hiện chỉ sử dụng duy nhất nước thủy cục, do vậy tác động môi trường do khai thác nước ngầm cũng được loại bỏ khỏi địa điểm cho đến hiện nay.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

Dự án không nằm trong quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:

- Hiện trạng thoát nước mưa:

Hệ thống thoát nước mưa và nước thải được tách riêng hoàn toàn. Tất cả lượng nước mưa trong khuôn viên theo đường ống bê tông thoát ra đường cống công cộng trên đường Hải Thượng Lãn Ông sau đó xả ra sông Cái Sao Thượng cách khoảng 150 m. Do vậy việc thoát nước mưa của hệ thống hoàn toàn không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Hiện trạng thu gom và xử lý nước thải:

Toàn bộ nước thải của dự án đều được thu gom về hệ thống xử lý nước thải đảm bảo nước thải sau xử lý xả ra môi trường luôn đạt QCVN 40:2011/BTNMT. Nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý cuối cùng là sông Cái Sao Thượng (là sông cấp 1, lưu lượng 10÷20 m³/s – Nguồn: Báo cáo tổng hợp dự án xây dựng danh mục nguồn nước thải phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2018) nên độ pha loãng cao. Với lưu lượng xả 100 m³/ngày đêm, việc xả thải của DOMESCO hoàn toàn sẽ không ảnh hưởng đến mục đích sử dụng nước khu vực nguồn nước tiếp nhận, chế độ thủy văn của nguồn nước, khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước.

- Hiện trạng thu gom, xử lý chất thải rắn, CTNH:

Chất thải rắn từ dự án sẽ được phân loại, lưu trữ tại các kho chứa theo đúng quy định nên sẽ không ảnh hưởng tiêu cực với môi trường xung quanh.

+ Chất thải sinh hoạt sẽ chuyển giao cho Công ty Dowasen – Chi nhánh dịch vụ môi trường (Hợp đồng số 07.CL-2022/HD-DVMT ngày 01/01/2022);

+ CTNH bảo quản tại kho và định kỳ khoảng 4 tháng chuyển giao cho Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam) – Theo hợp đồng số 096/GEOS/2021 ngày 01/07/2021;

+ Phế liệu hiện đang hợp đồng và chuyển giao hàng tuần với cơ sở thu mua phế liệu Trần Nam Nhân tại số 1067 Quốc lộ 30 phường 11 thành phố Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp (Hợp đồng số 001/HĐPL/2021-2022 ngày 01/10/2021);

- **Hiện trạng kiểm soát nguồn ô nhiễm không khí:** tất cả các nguồn phát sinh khí thải đều được xử lý và kiểm soát nghiêm ngặt, không ảnh hưởng môi trường xung quanh.

CHƯƠNG III

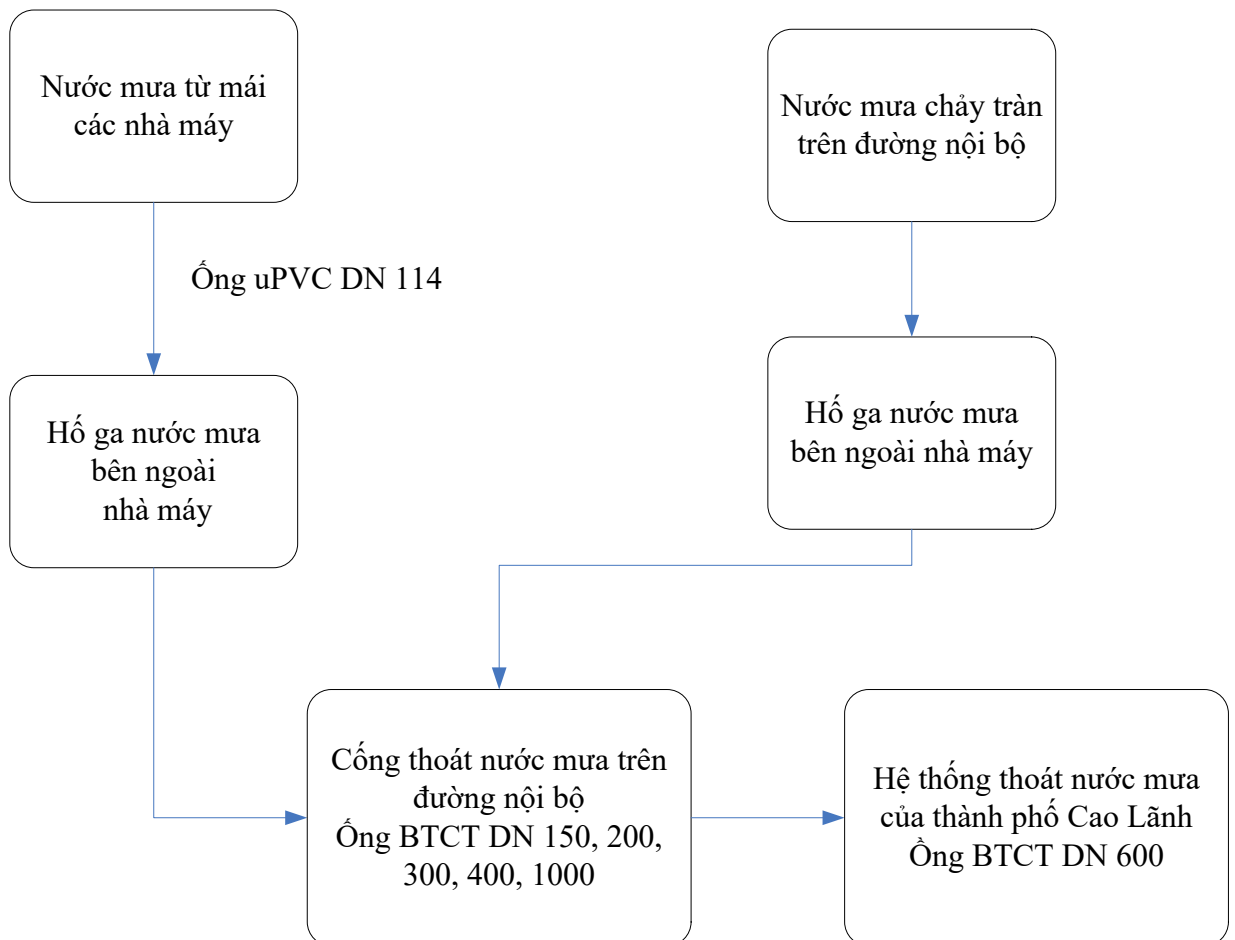
**KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH,
BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải: *hoàn toàn không thay đổi so với ĐTM đã được phê duyệt.*

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

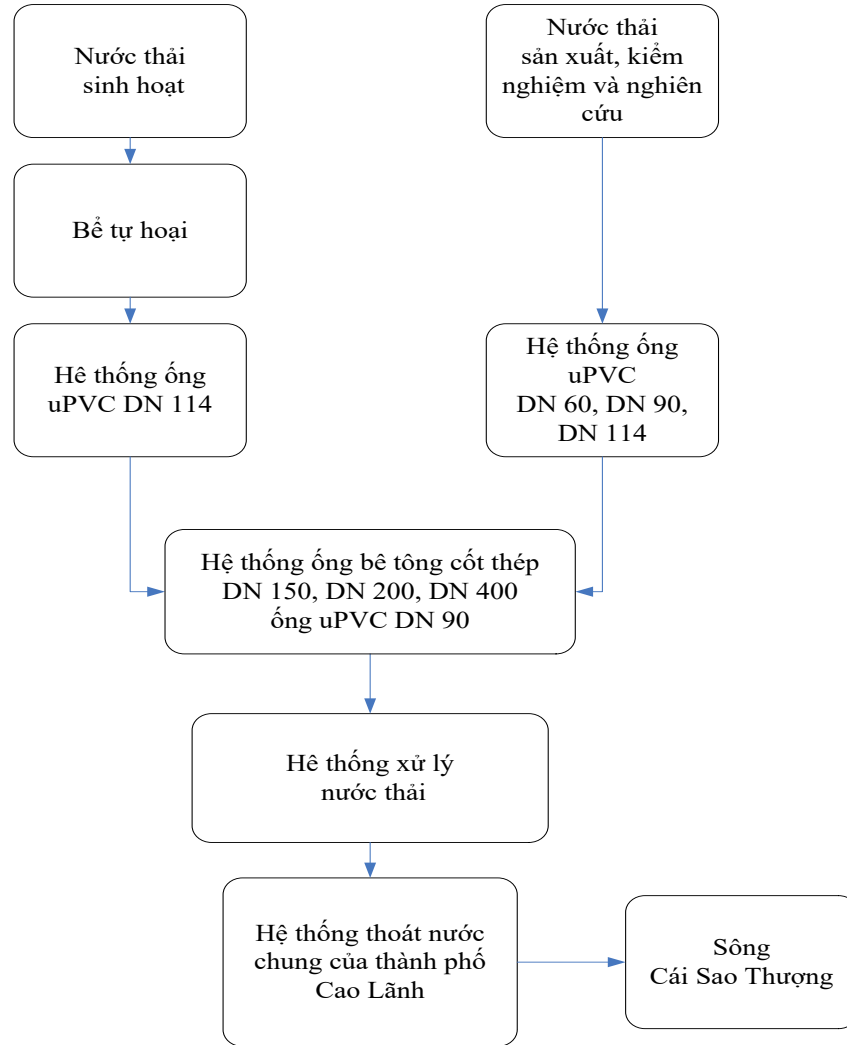
Hệ thống thoát nước mưa: nước mưa từ trên mái sẽ theo các ống uPVC DN 114 được âm tường, dẫn xuống từng hố ga kích thước L x B x H= 0,8 m x 0,8 m x 1,4 m; các hố ga sẽ được kết nối với nhau bằng các ống bê tông DN 150, DN 200, DN 300, DN 400, DN 1000 có độ dốc 2%.

Toàn bộ nước mưa của dự án được đầu nối vào hệ thống thoát nước chung thành phố Cao Lãnh tại 04 điểm trên Hải Thượng Lãn Ông (cống bê tông cốt thép DN 600) sau đó thoát ra Sông Cái Sao Thượng tại 01 điểm xả (*đính kèm bản vẽ chi tiết phía sau*).



Sơ đồ 3: sơ đồ minh họa hệ thống thu gom, thoát nước mưa

1.2. Thu gom, thoát nước thải:



Sơ đồ 4: Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải

▪ **Mạng lưới thu gom:**

- **Nước thải sinh hoạt:** tất cả lượng nước thải sinh hoạt hàng ngày của CB-CNLĐ gồm 2 khu vực nhà vệ sinh:

+ Trong khuôn viên các nhà máy được xử lý bằng hầm tự hoại được thu gom bằng ống uPVC DN 114 độ dốc 2% để dẫn về hệ thống thu gom nước thải của dự án.

+ Khu vực giao nhau giữa đường Hải Thượng Lãn Ông và đường Trần Tấn Quốc, nhà vệ sinh này phục vụ cho khoảng 20 nhân viên (khoảng 01 m³/ngày) sẽ được lắng và xử lý bằng bể tự hoại, sau đó xả ra Sông Cái Sao Thượng theo cống thoát nước chung của thành phố Cao Lãnh.

- **Nước thải sản xuất và khu vực nghiên cứu, kiểm nghiệm:** bao gồm nước rửa dụng cụ, vệ sinh máy móc thiết bị, vệ sinh nhà xưởng, nước thải từ khu vực kiểm nghiệm, nghiên cứu. Toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ các khu vực sản xuất của dự án được thu gom vào các tuyến ống uPVC DN 60, DN 90, DN 114 độ dốc 2% vào hệ thống thu gom nước thải của dự án.

- Hệ thống thu gom nước thải của dự án bao gồm 30 hố ga bê tông cốt thép có kích thước L x B x H = 0,84 m x 0,84 m x 1,5 m đầu nối với nhau bằng ống bê tông cốt thép DN 150, DN 200, DN 400 và ống uPVC DN 90 độ dốc 0,05%.

▪ **Hệ thống thoát nước thải:**

Toàn bộ nước thải từ hệ thống thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày đêm xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT nguồn A, sau đó nước thải sau khi xử lý theo đường ống thoát uPVC DN 60 thoát vào hố ga lấy mẫu bên ngoài hàng rào công ty.

▪ **Điểm xả nước thải sau xử lý:**

Điểm xả thải là hố ga có kích thước 0,5 x 0,5 x 0,7 m, tọa độ điểm đầu nối là X = 1156779; Y = 570409; sau đó nước thải sau xử lý sẽ tự chảy vào hệ thống thoát nước chung của thành phố Cao Lãnh trên đường Hải Thượng Lãn Ông, sau cùng sẽ chảy ra Sông Cái Sao Thượng (*đính kèm bản vẽ chi tiết phía sau*).

1.3. Xử lý nước thải:

Phần cứng của công trình và thiết bị xử lý nước thải hoàn toàn không thay đổi so với ĐTM đã được phê duyệt.

Công nghệ sử dụng gồm: Cơ học (*song chắn rác*), oxy hóa nâng cao (*peroxon, fenton*), sinh học (*kỵ khí UASB, hiếu khí FBR*), hóa lý (*keo tụ, tạo bông*), và sau cùng là lọc áp lực + khử trùng bằng hóa chất. Công suất hệ thống 100 m³/ngày đêm, vận hành 24/24 theo các nhà máy sản xuất.

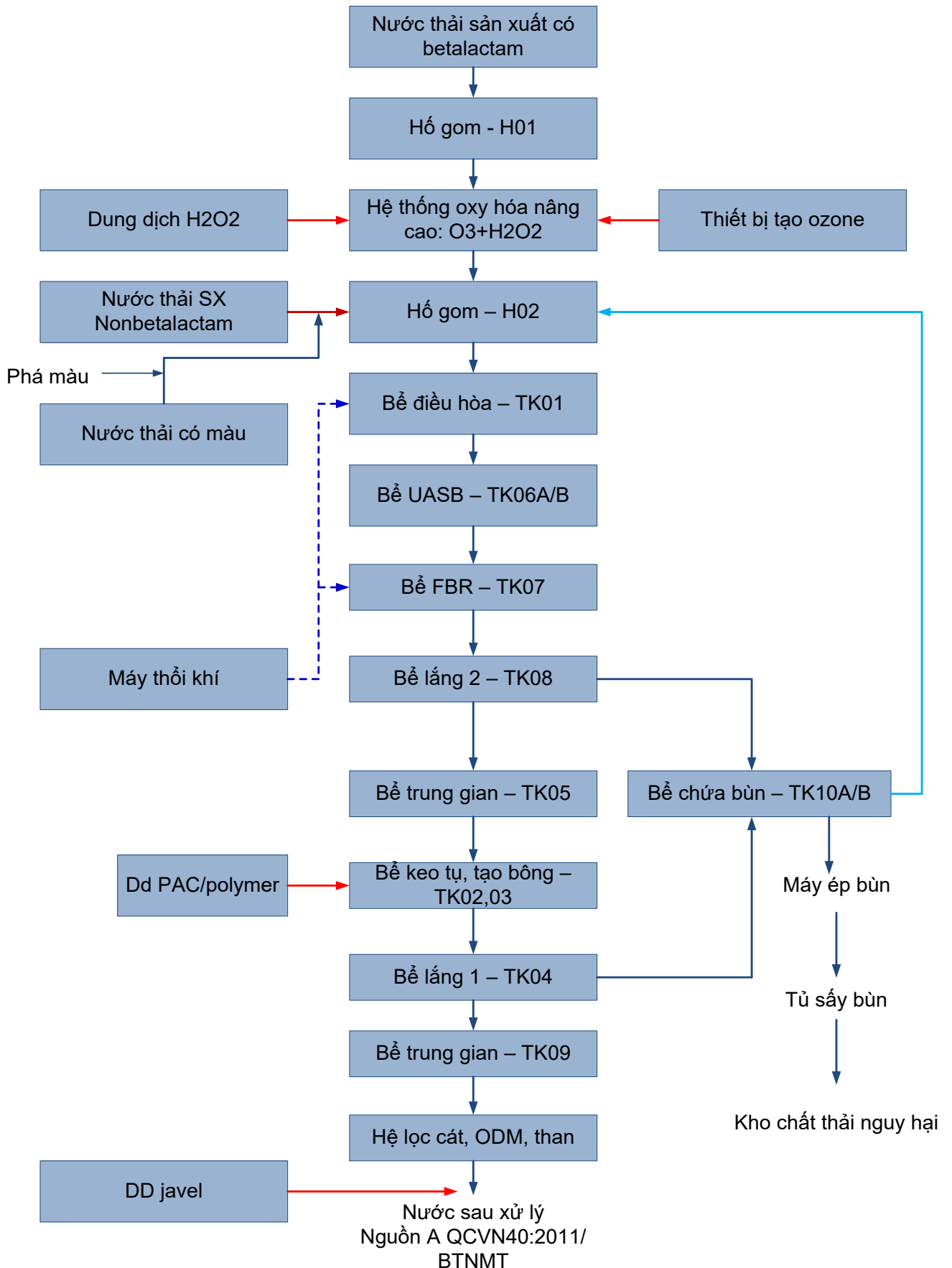
Công nghệ xử lý có 1 điểm thay đổi nhỏ đối với bùn sau máy ép bùn, đã được UBND tỉnh Đồng Tháp cho phép với nội dung như sau:

Bảng 2: Thay đổi xử lý bùn thải của hệ thống xử lý nước thải

Biện pháp quản lý, xử lý bùn thải theo nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt	Nội dung thay đổi so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt	Căn cứ pháp lý thay đổi	Thông nhất biện pháp quản lý và xử lý bùn thải sau khi thay đổi
Biện pháp quản lý và xử lý bùn thải: bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải → máy ép bùn → bãi sậy CCN Cần Lố.	- Bổ sung tủ sấy bùn sau khi ép (kích thước D x R x C = 1,7 x 1,8 x 1,7 m; 10 KWh); - Bùn sau sấy sẽ bảo quản tại kho chất thải nguy hại và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý đúng quy định.	Bùn thải từ các nhà máy sản xuất được phẩm, thực phẩm chức năng đạt tiêu chuẩn GMP-WHO là CTNH theo điểm 1.8.2 mục 1.8 phần 1 phụ lục 1A thông tư 36/2021/TT-BTNMT.	Biện pháp quản lý và xử lý bùn thải: bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải → máy ép bùn → tủ sấy điện → bảo quản tại kho CTNH; - Kích thước D x R x C = 1,7 x 1,8 x 1,7 m; công suất 10 KWh.

(Nguồn: công văn số 462/UBND-KTN ngày 18/09/2017 V/v thay đổi một phần nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Các nhà máy sản xuất dược phẩm, thực phẩm – thực phẩm chức năng đạt GMP-WHO”

Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải như sau:



Sơ đồ 5: Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải

Các loại hóa chất và sinh phẩm sử dụng như sau:

Bảng 3: hóa chất và sinh phẩm của hệ thống xử lý nước thải sử dụng năm 2021

TT	Tên hóa chất	Khối lượng tồn trữ lớn nhất trong một thời điểm	Khối lượng sử dụng năm 2021
1.	Natri hypochlorite (NaClO)	120 lít	340 lít
2.	Natri hydroxit (NaOH)	100 kg	246 kg
3.	Hydrogen Peroxide (H ₂ O ₂)	120 lít	124,5 lít
4.	Ferric Sulphate (Fe ₂ (SO ₄) ₃)	30 kg	9,8 kg
5.	Polyaluminum Chloride ([Al ₂ (OH) _n Cl _{6-n}] _m)	100 kg	625 kg
6.	Anionic Polyacrylamide (CONH ₂ [CH ₂ -CH-] _n)	30 kg	45 kg
7.	Polymer Cation (-CH ₂ CHCONH ₂ -) _n)	30 kg	20 kg
8.	Canxi Hydroxit (Ca(OH) ₂)	50 kg	53 kg
9.	Acid Sulfuric (H ₂ SO ₄)	40 lít	10 lít

(Nguồn: phòng An toàn – Sức khỏe – Môi trường công ty DOMESCO tổng hợp số liệu năm 2021)

Hệ thống xử lý nước thải được lắp đồng hồ đo đếm điện năng tiêu thụ riêng theo quy định và được theo dõi hàng ngày. Số liệu năm 2021 như sau:

Bảng 4: điện năng tiêu thụ của hệ thống xử lý nước thải năm 2021

Thông số theo dõi	Tháng/năm 2021											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Điện, KWh	6.702	5.628	7.922	6.434	6.962	6.792	6.632	6.752	6.906	7.192	7.206	7.602
Lượng xả thải, m³	919	697	1.199	973	945	1.056	990	1.333	1.326	1.173	1.065	1.222

(Nguồn: phòng An toàn – Sức khỏe – Môi trường công ty DOMESCO tổng hợp số liệu năm 2021)

Dự án này không thuộc đối tượng phải trang bị hệ thống quan trắc tự động, liên tục. Việc quan trắc định kỳ thực hiện theo chương VI của báo cáo này.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải: không thay đổi so với ĐTM đã được phê duyệt.

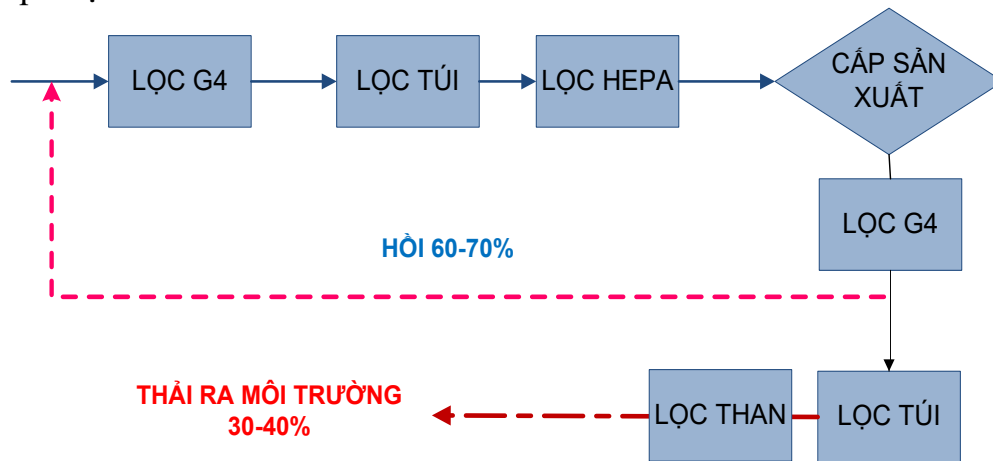
- Khí thải từ hệ thống điều hòa không khí trung tâm Nhà máy Nonbetalactam và nhà máy TP- TPCN sẽ thải bỏ khoảng 30÷40 % không khí từ khu vực sản xuất lưu lượng khoảng 8.200 m³/h.

- ✓ Nhà máy Nonbetalactam: có 4 quạt hút trên tầng kỹ thuật với lưu lượng (lít/s): 662 + 312 + 422 + 275 = 1.671 l/s = 6.015 m³/h.
- ✓ Nhà máy TP- TPCN: có một hút trên tầng kỹ thuật với lưu lượng (lít/s): 600 l/s = 2.160 m³/h.

- Khí thải từ hệ thống điều hòa không khí trung tâm nhà máy Betalactam (Cephalosporin) và Penicillin: thành phần chất ô nhiễm cần xử lý là vết betalactam.
- ✓ Nhà máy Betalactam (Cephalosporin): có 3 quạt hút trên tầng kỹ thuật với lưu lượng (lít/s): $152 + 500 + 440 = 1.092 \text{ l/s} = 3.931,2 \text{ m}^3/\text{h}$, lưu lượng khí này được nối vào 2 tháp xử lý khí thải công suất $6.200 \text{ m}^3/\text{h}$;
- ✓ Nhà máy Penicillin: có 06 quạt hút trên tầng kỹ thuật với lưu lượng (lít/s): $31 + 265 + 251 + 40 + 200 + 104 = 891 \text{ l/s} = 3.207,6 \text{ m}^3/\text{h}$, lưu lượng này được nối vào tháp xử lý khí thải công suất $6.200 \text{ m}^3/\text{h}$;
- ✓ Khí thải từ khu vực kiểm nghiệm: bao gồm khí thải từ các tủ hơ ($V = 1,25 * 1,3 * 1 \text{ m}^3$, 3 tủ), các tủ phá mẫu ($V = 1,25 * 0,85 * 0,8 \text{ m}^3$, 2 tủ), tủ nung ($V = 120 \text{ l}$), kho hóa chất. Thành phần chủ yếu của loại khí thải này là hơi dung môi vô cơ và hữu cơ, lưu lượng khí này được nối vào 1 tháp xử lý khí thải công suất $6.200 \text{ m}^3/\text{h}$.

Công nghệ xử lý khí thải của nhà máy Nonbetalactam và nhà máy TP-TPCN:

Đối với các nhà máy sản xuất dược phẩm, TP-TPCN; hệ thống điều hòa không khí đóng một vai trò rất quan trọng trong việc cung cấp cho khu vực sản xuất một môi trường sạch (theo GMP-WHO), đồng thời xử lý không khí trước khi thải ra ngoài qua lọc túi F8.



Sơ đồ 6: Sơ đồ quy trình xử lý khí thải điều hòa không khí trung tâm

Không khí trước khi cấp vào các AHU sẽ được lọc qua tiền lọc (*Prefilter*, lọc G4), sấy (*heating coil*) để đưa không khí về trạng thái khô, sau đó được làm lạnh ở dàn trao đổi nhiệt bằng môi chất lạnh (R22) hoặc chất tải lạnh (nước), không khí lạnh được quạt AHU đưa tới thiết bị thiết bị tạo ẩm (nếu như độ ẩm thấp hơn so với mức yêu cầu- *Humidifier*), qua lọc thứ cấp (*Secondary filter*, lọc túi F8), không khí được kiểm soát về lưu lượng trước khi vào khu vực sản xuất (*Control damper*), qua thiết bị gia nhiệt (*Heater*) để không khí đạt yêu cầu về độ ẩm và sau đó được lọc qua hệ thống lọc tinh (*lọc hepa*) trở thành không khí sạch cấp cho các khu vực sản xuất.

Khí thải ra khỏi khu vực sản xuất được qua lọc thô G4, sau đó chia thành hai dòng thải: một dòng hoàn lưu (60÷70%) quay lại hòa với đường khí tươi dẫn vào các AHU xử lý cấp lại cho khu vực sản xuất; một dòng (30÷40 %) sẽ được qua lọc túi F8, qua lọc than hoạt tính (nếu khu vực có phát sinh mùi) trước khi thải ra môi trường.

Bảng 5: Mức độ xử lý của các cấp độ lọc

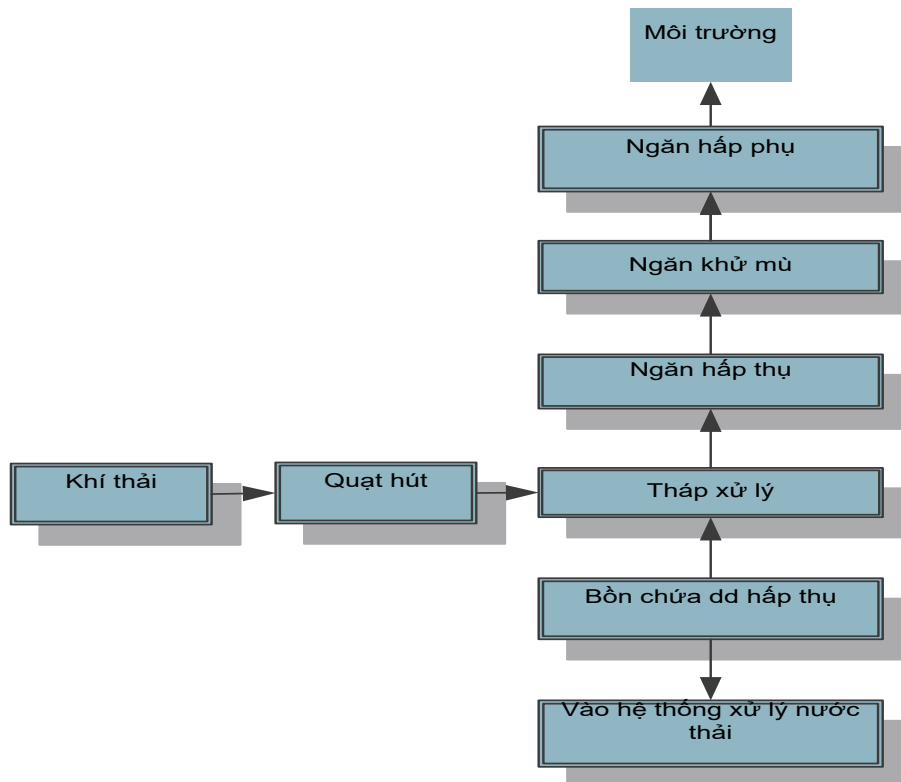
STT	Loại lọc	Cỡ hạt (µm)	Hiệu quả xử lý (%)
1	G4	1÷10	30÷40
2	Lọc túi F8	1÷10	85
3	Lọc Hepa H13	0.3	99.997
		0.1	99.95

(Nguồn : GMP-WHO)

Lượng khí thải ra môi trường khoảng 30÷40% và qua lọc F8 rất sạch, không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Lượng chất rắn bị các lọc giữ lại bao gồm bột thuốc, lọc G4 và lọc than của đường khí thải khi không còn sử dụng sẽ được thu gom bảo quản tại kho chất thải nguy hại. Nước thải vệ sinh các lọc túi (vải) sẽ được dẫn chung hệ thống nước thải sản xuất về xử lý tại hệ thống xử lý nước thải của công ty.

Công nghệ xử lý khí thải của nhà máy Betalactam (Cephalosporin), Penicillin và khu kiểm nghiệm:

Khí thải chứa vết betalactam từ nhà máy Betalactam, Penicillin và khu kiểm nghiệm đều được xử lý, tổng cộng có 4 tháp (betalactam:02, Penicillin: 01, kiểm nghiệm: 01 ; công suất điện mỗi khoảng 5 KWh. Lượng hóa chất NaOH sử dụng được ghi nhận chung khu xử lý nước thải tại bảng 3, chế độ vận hành 24/24 theo hoạt động của các nhà máy và khu vực kiểm nghiệm) qui trình như sau:



Sơ đồ 7: Sơ đồ qui trình xử lý khí thải nhà máy Betalactam (Cephalosporin), nhà máy Penicillin và khu kiểm nghiệm

Công nghệ áp dụng là hấp thụ với lớp vật liệu đệm di động kết hợp hấp phụ bằng than hoạt tính, công suất 6.200 m³/h. Khí thải được quạt cưỡng bức vào tháp xử lý, khi vào tháp từ bên dưới khí thải này sẽ được tiếp xúc với dung dịch NaOH nồng độ khoảng 5% để cắt vòng betalactam hoặc trung hòa các khí acid từ kiểm nghiệm....Tiếp theo khí thải được tiếp xúc với lớp than hoạt tính để hấp phụ các mùi còn lại và được thải ra môi trường ngoài qua ống xả cao hơn 5 m.

Dự án này không thuộc đối tượng phải trang bị hệ thống quan trắc tự động, liên tục. Việc quan trắc định kỳ thực hiện theo chương VI của báo cáo này.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom bởi các thùng chứa dung tích 120 lít có nắp đậy bố trí trong khu vực chứa có diện tích 17,2 m², nền bê tông mái tole được xây cao 0,1 m để tránh nước mưa tràn vào. Chuyển giao cho Công ty Dowasen – Chi nhánh Dịch vụ Môi trường thu gom hàng ngày. Khối lượng chuyển giao năm 2021 là 4.509 kg (so với số liệu cho phép trong ĐTM là 999,79 kg/tháng *12 tháng = 11.997,48 kg) - Nguồn: phòng An toàn – Sức khỏe – Môi trường công ty DOMESCO tổng hợp số liệu năm 2021.

Phế liệu được thu gom vào khu vực chứa diện tích 100 m², có kết cấu nền bê tông, mái lợp tole và rào lưới B40 được xây cao 0,1 m để tránh nước mưa tràn vào. Loại chất thải này được chuyển giao định kỳ hàng tuần cho đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển.

Bảng 6: khối lượng chủng loại phế liệu phát sinh và so sánh với ĐTM

Loại phế liệu	Tổng khối lượng năm 2021, kg/năm	Theo ĐTM đã được phê duyệt, kg/năm
Vĩ nhôm	24.940	-
Bọc nylon	2.860	-
Giấy xé	2.275	-
Giấy nguyên	3.200	-
Mũ mica	5.135	-
Mũ thùng	5.640	-
Tổng cộng	44.050	7.820,52 kg/tháng *12 tháng = 93.846,24 kg

(Nguồn: phòng An toàn – Sức khỏe – Môi trường công ty DOMESCO tổng hợp số liệu năm 2021)

Số liệu phế liệu cho thấy khối lượng phát sinh CTNH theo ĐTM vẫn hoàn toàn phù hợp.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Kho chứa CTNH của dự án có diện tích 18,8 m² (5,45 m x 3,45 m). Kho được thiết kế nền bê tông cao hơn cos mặt đường nội bộ 0,1 m, vách tường, mái lợp tole phía trên gắn quả cầu thông gió và cửa nhôm kính. Bên trong bố trí các thùng chứa riêng biệt ứng với từng thành phần chất thải nguy hại phát sinh, có dán nhãn và biển cảnh báo nguy hại theo quy định.

Bảng 7: chủng loại CTNH phát sinh theo năm và so sánh với ĐTM

STT	Loại chất thải nguy hại / Mã số	Tổng khối lượng năm 2021, kg/năm	Theo sổ đăng ký chủ nguồn thải mã số 87.000192.T, kg/năm
1	Các loại chất hấp phụ đã qua sử dụng và bã lọc khác (030507)	804,0	2.300
2	Chất thải rắn có các thành phần nguy hại (030509)	4.524,9	9.000
3	Vật thể mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại (070310)	0	5
4	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại (070401)	0	5
5	Mực in thải có các thành phần nguy hại (080201)	0	100
6	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại (080204)	32,8	40
7	Vật liệu cách nhiệt có amiang thải (110601)	0	1
8	Hạt nhựa trao đổi ion đã qua bão hòa hay đã qua sử dụng (120601)	277,0	250
9	Chất thải lây nhiễm (bao gồm chất thải sắc nhọn – 130101)	45,8	1
10	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải (160106)	58,8	80
11	Các linh kiện điện, điện tử (160113)	0	30
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác (170204)	50,9	269
13	Bao bì mềm thải (180101)	3,8	120
14	Bao bì cứng bằng kim loại bao gồm bình áp suất đảm bảo rỗng hoàn toàn (180102)	43,5	120
15	Bao bì cứng thải bằng nhựa (180103)		120
16	Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác (180104)	1.382,0	1.600
17	Chất hấp phụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (180201)	448,8	1.000
18	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại (190502)	401	600
19	Pin, ắc quy chì thải (190601)	7,9	2
20	Pin Ni – Cd thải (190602)	0	5
21	Bùn (160502)	474	-

(Nguồn: phòng An toàn – Sức khỏe – Môi trường công ty DOMESCO tổng hợp số liệu năm 2021)

Ghi chú:

- Mã bùn thải là 160502 theo thông tư 02/2022/TT-BTNMT thay thế cho mã bùn thải cũ là 030508.

- So với Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH mã số 87.000192.T cấp lần 12 ngày 10/06/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp cấp, chỉ có khối lượng chất thải lây nhiễm (mã CTNH 130101) tăng cao, phát sinh do hoạt động test nhanh Covid-19 trong công tác chống dịch năm 2021 của công ty.

Khối lượng CTNH phát sinh theo từng tháng như sau:

Bảng 8: khối lượng CTNH phát sinh hàng tháng và so sánh với ĐTM

Nội dung	Tháng/năm 2021											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Khối lượng CTNH, kg/tháng	1.044	848,1	899,5	765,2	601,1	690,2	490,1	237,2	469,2	818,3	972,8	1.018,2

(Nguồn: phòng An toàn – Sức khỏe – Môi trường công ty DOMESCO tổng hợp số liệu năm 2021)

Ghi chú:

Tổng lượng CTNH phát sinh năm 2021 là 8.853,9 kg so với dự đoán trong ĐTM là 1.078,88 kg/tháng * 12 tháng = 12.946,56 kg/năm cho thấy khối lượng phát sinh CTNH theo ĐTM vẫn hoàn toàn phù hợp.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

• Giảm thiểu tiếng ồn:

- Hiện đại hóa thiết bị, các thiết bị nhập về phải là mới sẽ có tiếng ồn nhỏ.
- Các thiết bị được đặt trên bệ có đúc móng chắc chắn đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật đã được qui định.
- Lắp đệm cao su hoặc lò xo chống rung.
- Kiểm tra kỹ độ cân bằng khi lắp đặt; kiểm tra, bảo trì định kỳ; chú ý việc bôi trơn và thay thế, sửa chữa các chi tiết hư hỏng hoặc có dấu hiệu không đảm bảo hoạt động an toàn, ổn định.

• Đối hướng âm thanh:

Xây dựng các tấm chắn với tác dụng đối hướng của âm như các tường bao quanh nhà máy, hoặc theo các khu vực phát sinh tiếng ồn, hình dạng chiều cao của tường chắn thiết kế dựa theo địa hình của khu vực bảo vệ. Biện pháp che kín rất hiệu quả mà không nhiều cần đến theo dõi vận hành.

• Các biện pháp hạn chế ảnh hưởng của tiếng ồn, rung cho công nhân:

- Công nhân được trang bị đầy đủ các phương tiện tránh ồn, chống rung (như nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ, phòng làm việc cách âm...).
- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ

lao động thường xuyên của công nhân.

- Quy chuẩn Công ty đang áp dụng hiện nay đối với tiếng ồn là QCVN 26:2010/BTNMT.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải:

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống bị hư: vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách hoặc quá tải trong việc tiếp nhận nước thải; đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Khi hệ thống xử lý nước thải không đạt quy định trước khi thải ra môi trường: ngưng xả; tăng cường công suất máy thổi khí của bể hiếu khí khi có sự cố; xem xét bổ sung men vi sinh thêm cho bể kỵ khí, hiếu khí.

- Trường hợp sự cố xảy ra trong thời gian ngắn (khoảng 01 ÷ 02 ngày): điều chỉnh sản lượng sản xuất phù hợp khi có sự cố để có đủ thời gian sửa chữa, phục hồi hệ thống.

- Trường hợp sự cố xảy ra trong thời gian dài (từ 03 ngày trở lên): ngưng hoạt động các công đoạn sản xuất có phát sinh nước thải khi xảy ra sự cố để khắc phục.

- Báo ngay cho nhà cung cấp hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp về các sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý bụi và khí thải:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các công trình xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tiêu chuẩn GMP-WHO về môi trường trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Chuẩn bị sẵn một số bộ phận, thiết bị dự phòng đối với bộ phận dễ hư hỏng như: quạt hút, đường ống.

- Nhân viên vận hành các công trình xử lý bụi được đào tạo các kiến thức về công trình vận hành xử lý bụi, khí thải.

- Trường hợp sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì công ty sẽ ngưng hoạt động sản xuất để sửa chữa và khắc phục, chỉ tiếp tục sản xuất khi khắc phục và sửa chữa xong.

6.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với kho chứa chất thải:

- Xây dựng khu vực lưu giữ chất thải có mái che, tránh nước mưa rơi xuống cuốn theo chất thải vào đường thoát nước.

- Kho lưu giữ chất thải nguy hại được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau. Các khu vực này được thiết kế với khoảng cách phù hợp theo quy định lưu giữ chất thải nguy hại, hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải và xảy ra sự cố cháy nổ trong nhà kho. Mỗi khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo và thiết bị PCCC, dụng cụ bảo hộ lao động, các vật liệu ứng phó khắc phục nếu có sự cố xảy ra.

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại lỏng có xây dựng gờ bao quanh (hoặc bao bì chứa phụ) để phòng trường hợp chất thải lỏng bị rò rỉ. Khi chất thải lỏng bị rò rỉ sẽ nằm trong khu vực có gờ bao quanh. Nhân viên sẽ thu gom chất thải này chứa vào thùng chứa giao cho đơn vị xử lý chất thải nguy hại.

- Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: ký hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Giám sát toàn bộ quá trình thu gom từ công ty về đến kho chứa của đơn vị xử lý qua báo cáo GPS nhằm đảm bảo CTNH luôn được vận chuyển an toàn trong suốt quá trình thu gom.

6.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hóa chất:

Công ty đã xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo quyết định 04/2020/QĐ-TTg ngày 13/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi Quy chế hoạt động ứng phó sự cố hóa chất độc kèm theo Quyết định 26/2020/QĐ-TTg; và theo Quyết định 588/QĐ-TCMT ngày 18/06/2014 về việc ban hành các hướng dẫn kỹ thuật về kiểm soát phát thải hóa chất nguy hại vào môi trường (*xây dựng tháng 09/2020*). Theo biện pháp đã xây dựng thì xác suất xảy ra sự cố ở mức rất thấp.

Công ty đã trình biện pháp này cho Sở Công thương Đồng Tháp theo quy định tại công văn số 732/CV-AT&CL/DMC ngày 02/10/2020

6.4.1. Biện pháp quản lý:

a. Qui định rõ ràng cụ thể về bảo quản và sử dụng hóa chất:

- Bố trí kho chứa hóa chất có diện tích 24,6 m² xây bằng tường gạch, vữa bê tông, nền đổ bê tông, mái che bằng tôn. Khu vực lưu trữ có dán biển báo và hút hơi khí độc về hệ thống xử lý khí thải.

- Hóa chất được quản lý theo quy định Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số

113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất, Thông tư số 48/2020/TT-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm. Cụ thể như sau:

+ Nơi bảo quản hóa chất phải trang bị các phương tiện chữa cháy và trang thiết bị bảo hộ lao động phù hợp với tính chất nguy hiểm của hóa chất.

+ Dụng cụ chứa hóa chất (kể cả hóa chất chiết lẻ hay pha sẵn) phải đảm bảo kín, không rò rỉ và phải có nhãn theo qui định.

+ Phân loại và bảo quản tùy theo tính chất của từng loại hóa chất, có danh mục.

+ Phải đảm bảo hạn dùng của hóa chất còn hiệu lực.

+ Sắp xếp ngăn nắp trong tủ, trên pallet hoặc kệ gọn gàng, tránh tương tác. Đặt nơi thông thoáng, bảo quản đúng qui định tùy theo loại hóa chất đảm bảo chắc chắn, an toàn.

+ Tránh xa các nguồn lửa, nhiệt đối với những loại hóa chất dễ cháy nổ, không đặt trực tiếp dưới ánh nắng của mặt trời.

+ Theo dõi nhiệt độ hằng ngày theo đúng qui định.

+ Đảm bảo tình trạng vệ sinh sạch sẽ và ngăn nắp tại kho hóa chất.

b. Qui định rõ trách nhiệm:

- Qui định rõ trách nhiệm của người bảo quản hóa chất;

- Qui định rõ trách nhiệm của người sử dụng;

- Qui định rõ trách nhiệm của cấp quản lý;

- Qui định rõ về đào tạo định kỳ nâng cao nhận thức;

6.4.2. Biện pháp kỹ thuật:

- Các biện pháp ngăn ngừa – ứng phó cháy tràn đổ, rò rỉ hóa chất và CTNH:

+ Trang bị bộ kit, cát và các thiết bị ứng cứu khác tại các khu vực sử dụng, lưu chứa hóa chất và CTNH;

+ Diễn tập định kỳ cho tất cả nhân viên liên quan để họ có thể tự ứng phó khi có sự cố xảy ra.

+ Đào tạo và diễn tập các biện pháp ứng cứu các tai nạn liên quan hóa chất và CTNH như bị văng bắn vào mắt, vào người để nhân viên có thể tự ứng cứu trước khi lực lượng y tế hay chuyên nghiệp đến ứng cứu.

6.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:

Thực hiện theo đúng tiêu lệnh PCCC và phương án PCCC&CNCH của Công ty theo các phương án đã được Cơ quan PCCC&CNCH của tỉnh thẩm duyệt.

+ Cô lập nguồn điện: cúp cầu dao hoặc CB có liên quan.

+ Thực hiện công tác chữa cháy tại chỗ nếu xảy ra cháy (dùng bình CO₂, chữa cháy bằng nước...).

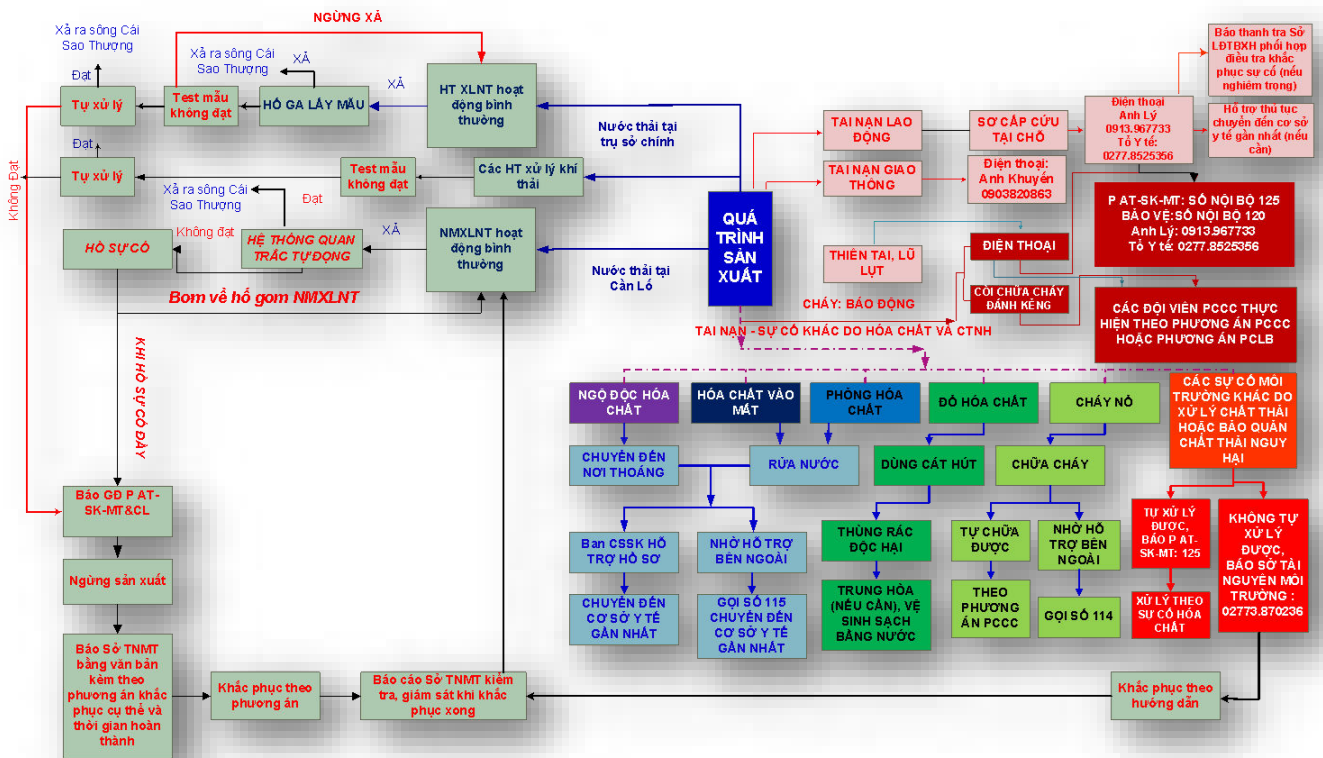
+ Liên hệ Bảo vệ để báo động và đội PCCC&CNCH Công ty. Nếu đám cháy lớn báo cho phòng Cảnh Sát PCCC số 114.

6.6. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố lây lan dịch bệnh:

Để hạn chế lây lan dịch bệnh giữa công nhân làm việc tại cơ sở với người dân khu vực lân cận, lây lan dịch bệnh từ những người ra vào nhà máy đến công nhân, từ khách hàng ra vào công ty đến công nhân và ngược lại, Công ty thực hiện các biện pháp sau đây:

- Ưu tiên tuyển chọn lao động là người địa phương, tổ chức tiêm ngừa đủ mũi theo quy định để giảm nhẹ bệnh nếu không may bị nhiễm.
- Tham gia đóng các loại bảo hiểm cho cán bộ, công nhân viên như: bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.
- Tổ chức kiểm tra sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên định kỳ theo quy định;
- Toàn bộ nhân viên, người lao động trong nhà xưởng phải thực hiện khai báo y tế, lịch trình đi lại theo quy định, thực hiện quy tắc an toàn 5K: Khẩu trang - Khử khuẩn - Khoảng cách - Không tập trung - Khai báo y tế. Trường hợp phát hiện có nguy cơ nhiễm Sars-CoV-2 thực hiện theo các phương án đã được phê duyệt.

Tóm lại, việc ứng phó các sự cố được tóm tắt như sau:



Sơ đồ 8: Sơ đồ ứng phó các sự cố của công ty DOMESCO

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có): không có

CHƯƠNG IV**NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI
GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG****1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:**

- Nguồn phát sinh nước thải:

• Nguồn thải số 1: nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh. Nước thải này chủ yếu chứa chất cặn bã, các chất dinh dưỡng (N, P), các chất rắn lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD, COD) và các vi sinh vật.

• Nguồn thải số 2: nước thải do hoạt động sản xuất bao gồm các công đoạn từ rửa dụng cụ, vệ sinh thiết bị và nhà xưởng, từ quá trình sản xuất nước RO. Thành phần của nước thải này sẽ bao gồm dư lượng các chất tẩy uest và tẩy rửa trong quá trình vệ sinh, các loại tá dược và hoạt chất thuốc theo danh mục nguyên liệu sản xuất.

• Nguồn thải số 3: nước thải do hoạt động kiểm nghiệm và nghiên cứu. Thành phần nước thải bao gồm các loại thuốc, các hóa chất kiểm nghiệm và nghiên cứu.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 100 m³/ngày đêm.

- Dòng nước thải: nước thải sau khi xử lý theo đường ống thoát uPVC Φ 60 thoát vào hố ga lấy mẫu, sau đó chảy ra hệ thống thoát nước chung của thành phố Cao Lãnh trên đường Hải Thượng Lãn Ông sau đó chảy ra sông Cái Sao Thượng.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: pH, COD, BOD₅, TSS, Amoni, Nitơ tổng, phosho tổng, Chlor dư, tổng dầu mỡ khoáng, tổng xianua, tổng phenol, *Coliform* đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A, giá trị C (hệ số lưu lượng/dung tích nguồn tiếp nhận nước thải $k_q = 0,9$; hệ số lưu lượng nguồn thải $k_f = 1,1$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: xả bằng hình thức tự chảy, chu kỳ xả liên tục, thời gian xả thải 24 giờ/ngày đêm. Tọa độ điểm xả thải X = 1156779; Y = 570409.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

- Nguồn phát sinh khí thải:

• Nguồn thải số 1: tất cả khí thải từ nhà máy Betalactam (Cephalosporin), theo quy định của GMP-WHO thì tất cả khí thải từ nhà máy này phải thu gom và xử lý sạch vết betalactam trước khi thải ra môi trường (2 tháp xử lý).

• Nguồn thải số 2: tất cả khí thải từ nhà máy Penicillin, theo quy định của GMP-WHO thì tất cả khí thải từ nhà máy này phải thu gom và xử lý sạch vết penicillin trước khi thải ra môi trường.

• Nguồn thải số 3: khí thải từ các tủ nung, tủ hoss, kho hóa chất... trong khu vực kiểm nghiệm.

- Lưu lượng xả khí thải tối đa:

• Nguồn thải số 1: 02 tháp xử lý, công suất mỗi tháp 6.200 m³/h.

• Nguồn thải số 2: 01 tháp xử lý công suất 6.200 m³/h.

• Nguồn thải số 3: 01 tháp xử lý công suất 6.200 m³/h.

- Dòng khí thải: khí thải sau xử lý được thải ra ống xả tại các tháp xử lý cao ít nhất 5 m.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

• Nguồn thải số 1 và số 2: không được có vết betalactam trong khí thải sau xử lý theo quy định của GMP-WHO.

• Nguồn thải số 3: CO, NO_x, SO₂, HCl đạt QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, K_p =1, K_v =1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- Vị trí xả thải: tại các ống xả khí thải sau xử lý của các tháp xử lý khí thải cao ít nhất 5 m.

- Phương thức xả khí thải: xả liên tục, thời gian xả thải 24 giờ/ngày đêm.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):

Dự án có phát sinh tiếng ồn, độ rung, tuy nhiên nằm ở dưới mức cho phép. Vì thế, DOMESCO không đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, rung.

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải:

Bảng 9: kết quả quan trắc nước thải năm 2021

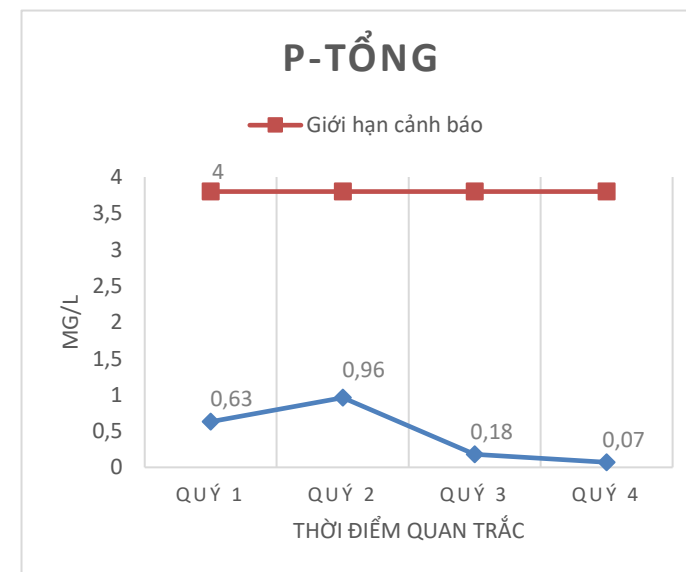
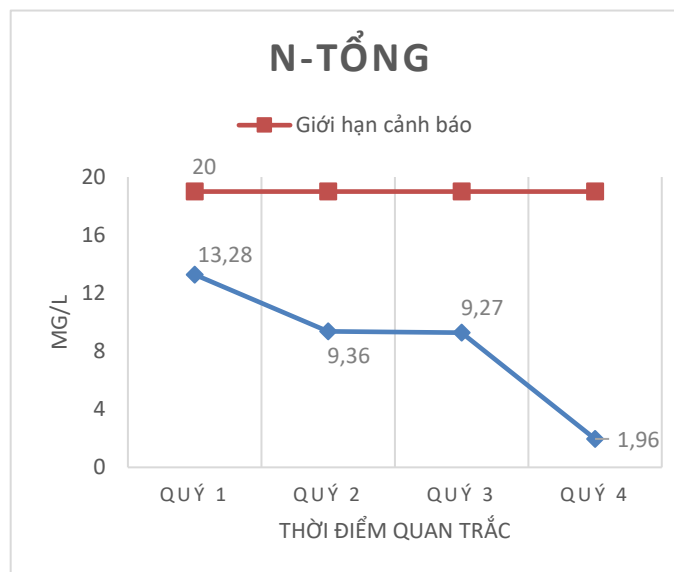
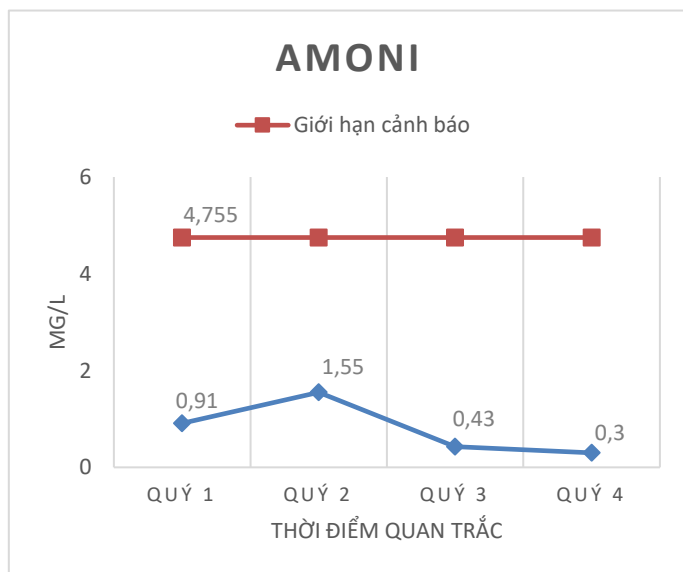
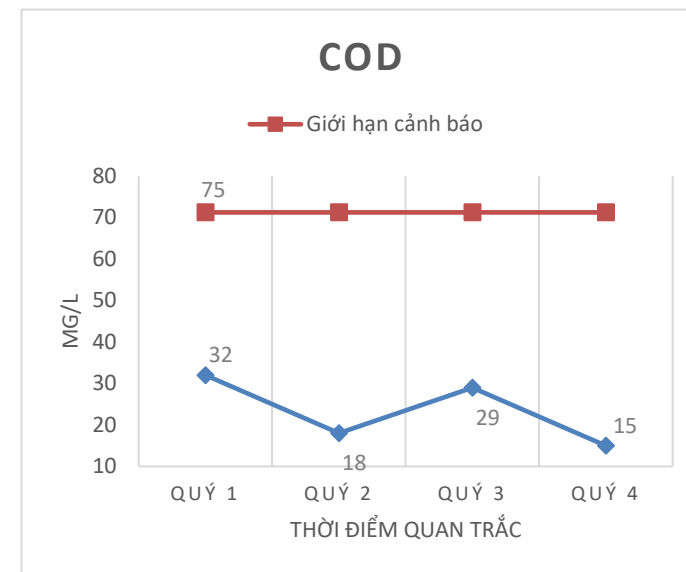
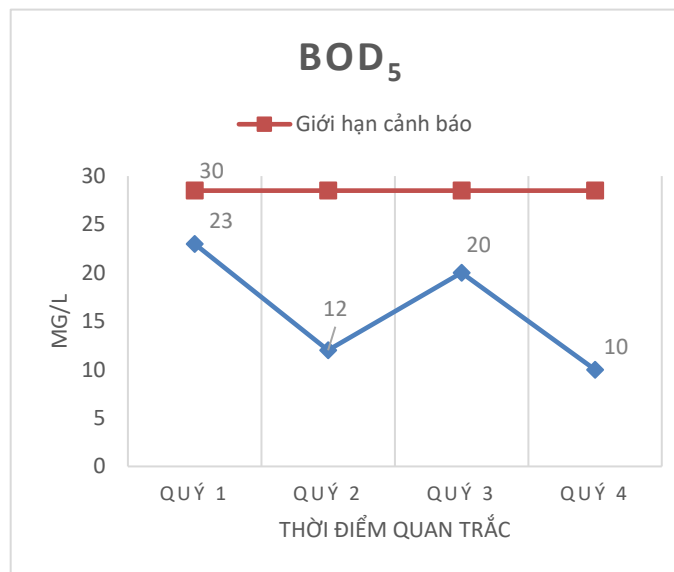
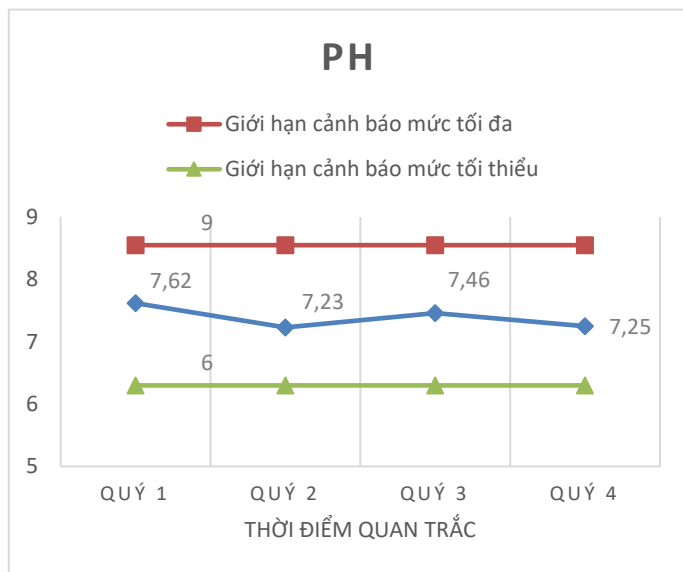
T	Ký hiệu điểm quan trắc	Ký hiệu mẫu	pH	BOD	COD	Amoni (tính theo N)	N-tổng	P-tổng (tính theo P)	Clo dư	TSS	Chỉ tiêu							
											Tổng dầu mỡ khoáng	Tổng phenol	Tổng xianua	As	Pb	Cd	Hg	Coliform
			-	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	Vi khuẩn/100mL
1	Nước thải trước xử lý	Quý 1	7,02	382	600	19,15	43,43	1,90	0	61	0	0	0	-	-	-	-	11 x 10 ⁵
		Quý 2	7,13	245	328	24,55	54,64	2,35	KPH (MDL=0,04)	54	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,0015)	0,0029	0,0033	KPH (MDL=0,0002)	KPH (MDL=0,0003)	24 x 10 ⁵
		Quý 3	7,95	182	243	27,25	65,96	1,9	KPH (MDL=0,04)	76	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,0015)	-	-	-	-	24 x 10 ⁵
		Quý 4	7,62	112	160	14,55	33,93	0,18	KPH (MDL=0,04)	36	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,0015)	-	-	-	-	46 x 10 ⁵
2	Nước thải sau xử lý	Quý 1	7,62	23	32	0,91	13,28	0,63	0,07	22	0	< 0,0020	0,0046	0,0016	0	0	0,00008	150
		Quý 2	7,23	12	18	1,55	9,36	0,96	0,16	12	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,0015)	KPH (MDL=0,002)	KPH (MDL=0,0033)	KPH (MDL=0,002)	KPH (MDL=0,0003)	230
		Quý 3	7,46	20	29	0,43	9,27	0,18	KPH (MDL=0,04)	KPH (MDL=5)	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,0015)	-	-	-	-	230
		Quý 4	7,25	10	15	0,30	1,96	0,07	KPH (MDL=0,04)	9	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,0015)	-	-	-	-	230
QCVN 40:2011/BTNMT (cột A)			6-9	30	75	5	20	4	1	50	5	0,1	0,07	0,05	0,1	0,05	0,005	3.000

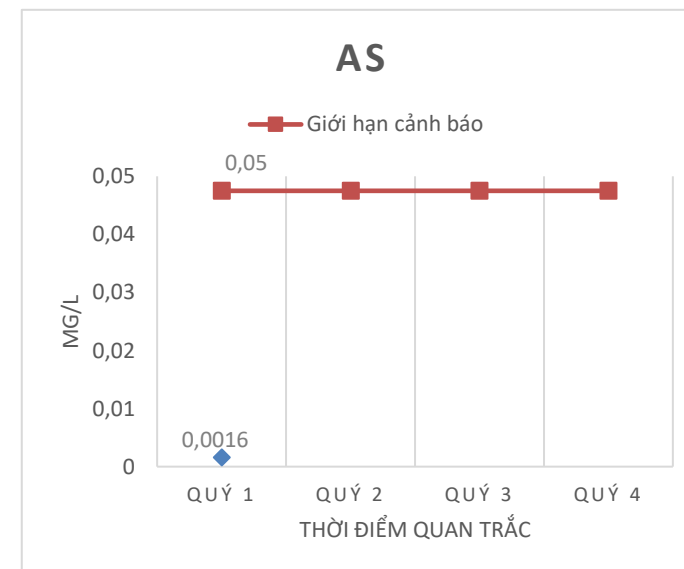
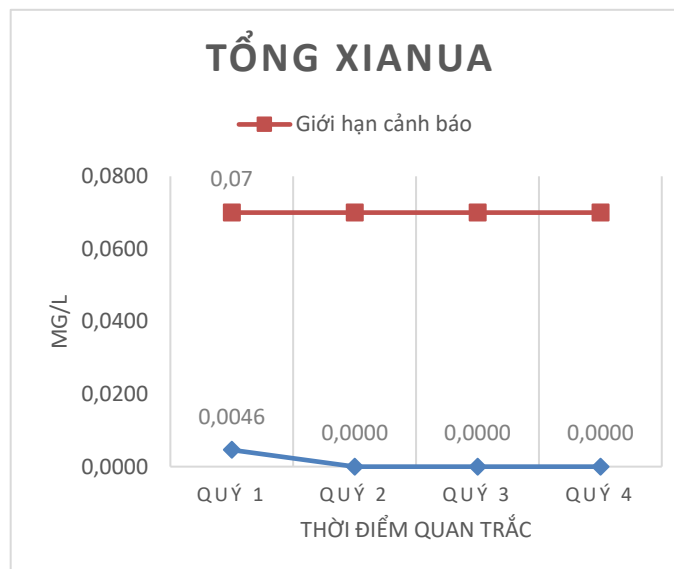
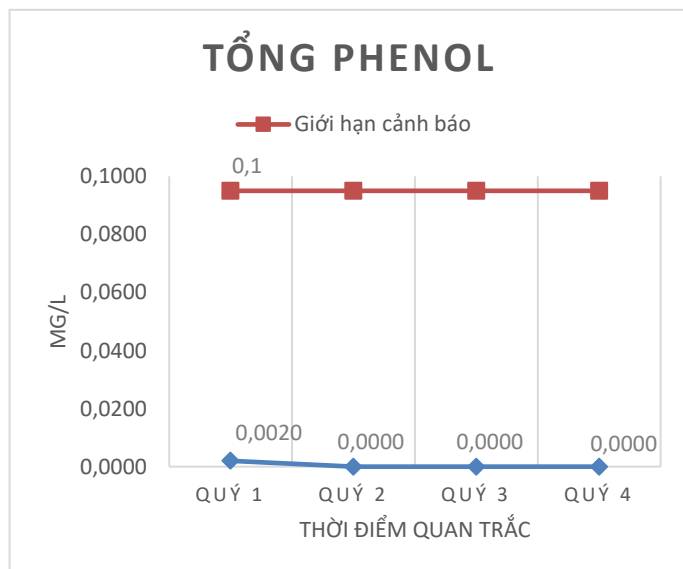
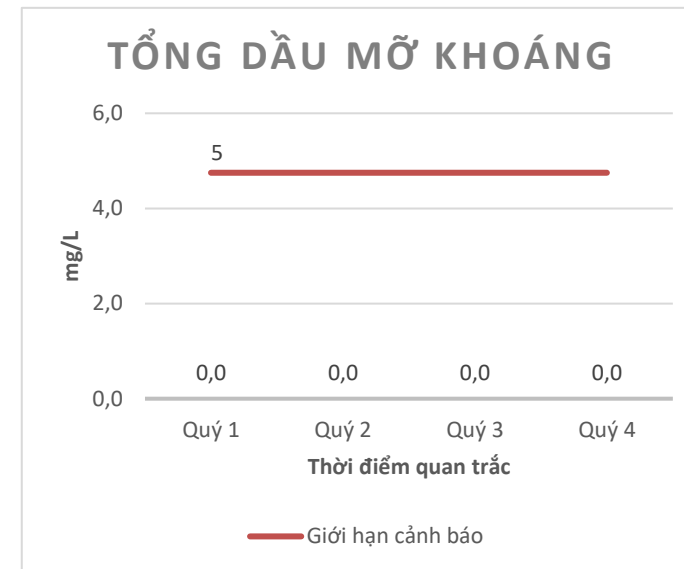
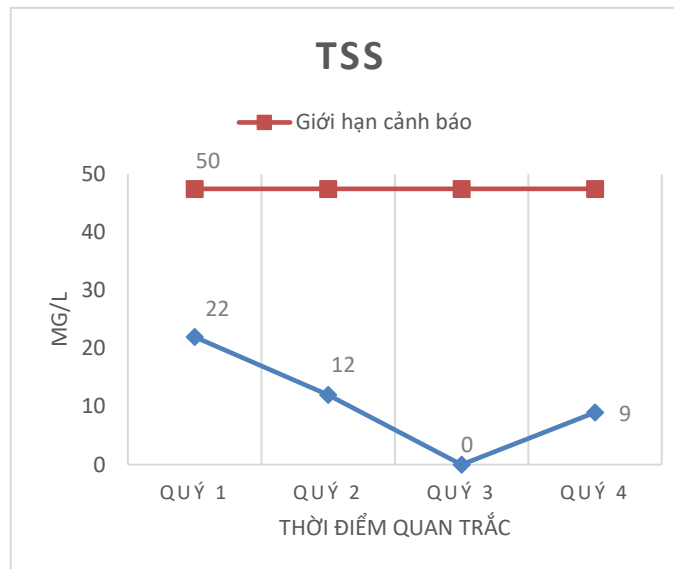
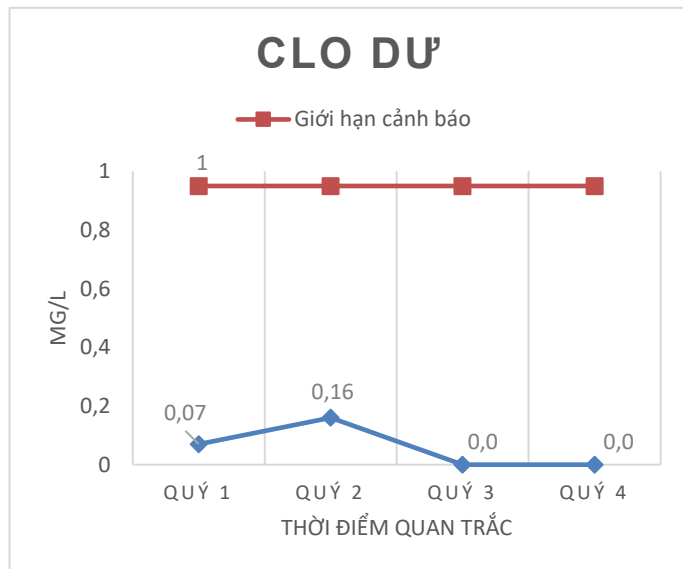
Type equation here.

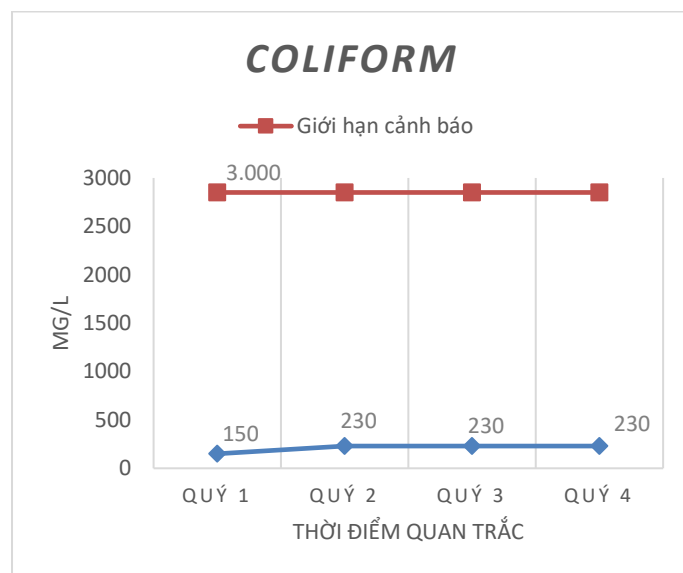
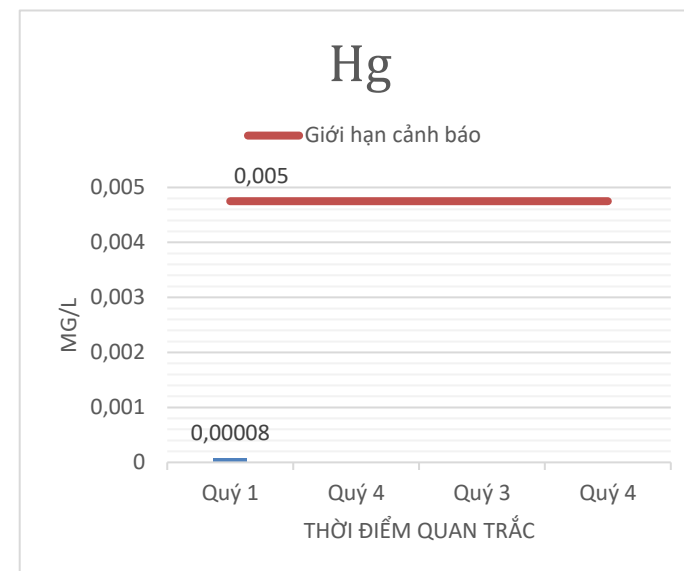
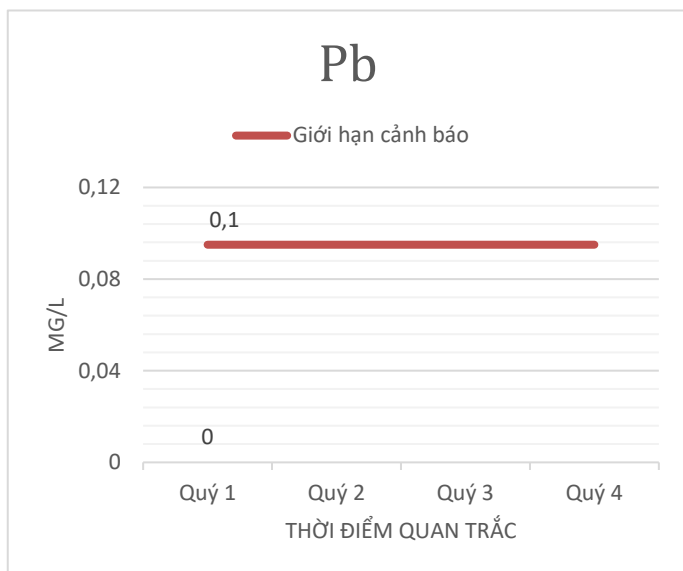
(Nguồn: Trung tâm Quan trắc TN&MT tỉnh Đồng Tháp thực hiện phân tích năm 2021)

Ngoài ra vết betalactam trong nước thải sau xử lý công ty tự kiểm tra 1 lần/tháng luôn đạt theo quy định (không phát hiện vết).









- Các chỉ tiêu kim loại nặng như: arsen, chì, cadimi, thủy ngân được phân tích vào tháng 02 để xác định kê khai thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp quý I, các quý còn lại theo kết quả của Sở TNMT.

- Các phiếu kết quả nước thải trước xử lý:

- + Quý 1: Phiếu kết quả thử nghiệm số 02159 ngày 12/03/2021
- + Quý 2: Phiếu kết quả thử nghiệm số 05158 ngày 17/05/2021
- + Quý 3: Phiếu kết quả thử nghiệm số 09104 ngày 20/10/2021
- + Quý 4: Phiếu kết quả thử nghiệm số 11753 ngày 02/12/2021

- Các phiếu kết quả nước thải sau xử lý:

- + Quý 1: Phiếu kết quả thử nghiệm số 02160 ngày 12/03/2021
- + Quý 2: Phiếu kết quả thử nghiệm số 05157 ngày 17/05/2021
- + Quý 3: Phiếu kết quả thử nghiệm số 09105 ngày 20/10/2021
- + Quý 4: Phiếu kết quả thử nghiệm số 11751 ngày 02/12/2021

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải:

- Khí thải của nhà máy Cephalosporin và nhà máy Penicillin:

Bảng 10: kết quả quan trắc khí thải vết betalactam năm 2021

Vị trí lấy mẫu tháp xử lý khí	Kết quả ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)												Giới hạn theo GMP-WHO	Đánh giá
	Tháng/năm 2021													
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
Tháp xử lý khí thải nhà máy Penicillin	0	0	0	0	0	0	0	-	-	0	0	0	Không được có trong không khí	Đạt
Tháp xử lý khí thải nhà máy Cephalosporin	0	0	0	0	0	0	-	-	-	-	0	0		Đạt
Tháp xử lý khí thải máy sấy tầng sôi NM Cephalosporin	0	0	0	0	0	0	-	-	-	-	0	0		Đạt

(Nguồn: phòng Kiểm tra chất lượng Công ty DOMESCO)

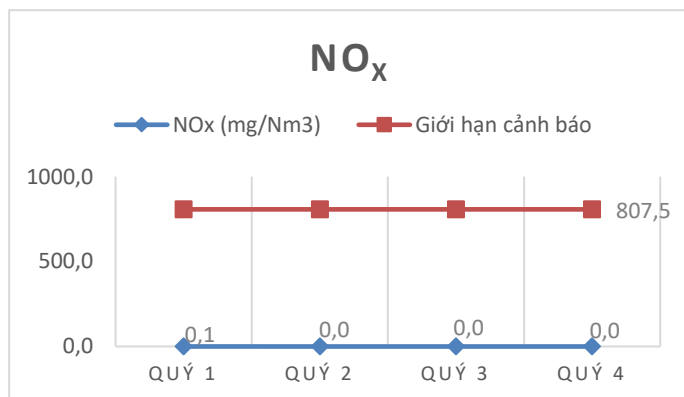
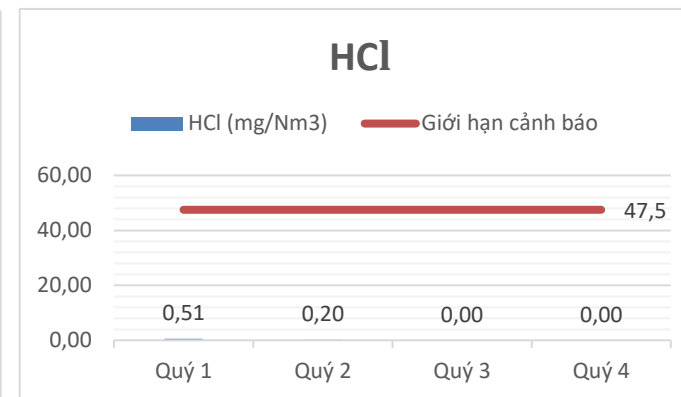
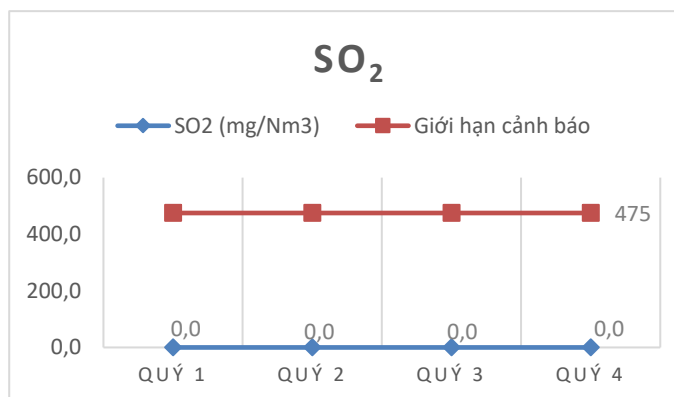
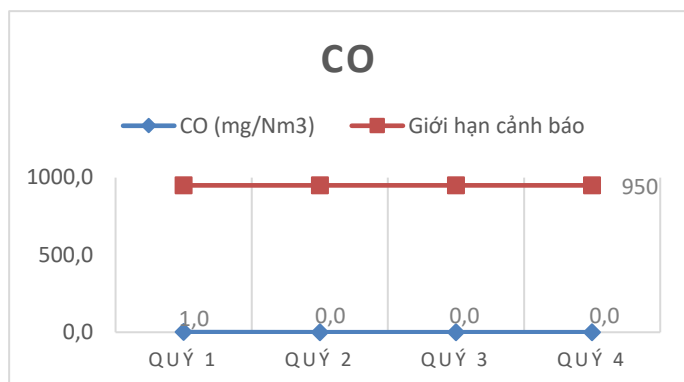
Ghi chú: do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid – 19, các tháng không có kết quả là do tại thời điểm lấy mẫu nhà máy không hoạt động hoặc do đang áp dụng phương án sản xuất “3, 4 tại chỗ” cùng với đó là nghỉ giãn cách nên không có đủ kiểm nghiệm viên phân tích mẫu. Vì vậy không có kết quả phân tích trong các tháng này).

- Khí thải khu vực kiểm nghiệm:

Bảng 11: kết quả quan trắc khí thải kiểm nghiệm năm 2021

TT	Ký hiệu điểm quan trắc	Ký hiệu mẫu	Chỉ tiêu			
			CO mg/Nm ³	SO ₂ mg/Nm ³	NO _x mg/Nm ³	HCl mg/Nm ³
1	Không khí tại tháp xử lý khí thải kiểm nghiệm	Quý 1	1	KPH	0,1	0,51
		Quý 2	KPH	KPH	KPH	0,20
		Quý 3	KPH	KPH	KPH	KPH (MDL=0,0035)
		Quý 4	KPH (<IDL=1,14)	KPH (<IDL=2,62)	KPH (<IDL=1,88)	KPH (MDL=0,0035)
QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)			1.000	500	850	50

(Nguồn: Trung tâm Quan trắc TN&MT tỉnh Đồng Tháp thực hiện phân tích)



Nguồn:

- + *Quý 1: Phiếu kết quả thử nghiệm số 02166 ngày 05/04/2021*
- + *Quý 2: Phiếu kết quả thử nghiệm số 05350 ngày 21/05/2021*
- + *Quý 3: Phiếu kết quả thử nghiệm số 10199 ngày 01/11/2021*
- + *Quý 4: Phiếu kết quả thử nghiệm số 11767 ngày 06/12/2021*

Năm 2021, do tình hình giãn cách xã hội nên việc quan trắc quý 3/2021 không thực hiện đúng tiến độ được, Công ty đã thực hiện ngay sau có thể lấy mẫu được vào cuối tháng 09/2021 (theo chương trình quan trắc được phê duyệt là tháng 08/2021). Sau đó, UBND tỉnh Đồng Tháp cũng ra công văn cho DOMESCO được miễn quan trắc trong giai đoạn này (*Nguồn: Công văn số 22/UBND-KT ngày 10/01/2022 của UBND tỉnh Đồng Tháp V/v cho ý kiến về chương trình quan trắc quý III năm 2021 cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh*).

3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo (Chỉ áp dụng đối với cơ sở không phải thực hiện quan trắc chất thải theo quy định): không có

CHƯƠNG VI

**CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ**

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

Dự án đã hoàn chỉnh, đã được xác nhận đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành tại giấy xác nhận số 1845/STNMT-CCBVMT ngày 05/12/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp nên báo cáo sẽ không đề cập nội dung này.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật:

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

Bảng 12: chương trình quan trắc chung của dự án

TT	Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	Chỉ tiêu	Tần suất	Ghi chú
1.1	Giám sát nước thải: + 01 mẫu nước thải trước xử lý;	Lưu lượng, pH, BOD ₅ , COD, chất rắn lơ lửng (TSS), tổng dầu mỡ khoáng, tổng phenol, amoni (tính theo N), tổng xianua, tổng nitơ, tổng phospho (tính theo P), chlo dư, <i>Coliform</i> .	1 lần/ 3 tháng	So sánh QCVN 40:2011/BTNMT cột A.
1.2	Giám sát nước thải: + 01 mẫu nước thải sau xử lý.	Vết betalactam Lưu lượng, pH, BOD ₅ , COD, chất rắn lơ lửng (TSS), tổng dầu mỡ khoáng, tổng phenol, amoni (tính theo N), tổng xianua, tổng nitơ, tổng phospho (tính theo P), chlo dư, <i>Coliform</i> .	1 lần/ 3 tháng	Chỉ tiêu vết betalactam so sánh theo tiêu chuẩn GPM-WHO, thực hiện tại phòng Kiểm tra Chất lượng của DOMESCO định kỳ 1 lần/tháng.
1.3	Chất lượng không khí xung quanh: + 01 điểm tại hệ thống xử lý nước thải.	Tổng bụi lơ lửng (TSP), tiếng ồn, NO ₂ , SO ₂ , CO, NH ₃ , H ₂ S.	1 lần/ 3 tháng	So sánh QCVN 05:2013/BTNMT, 06:2009/BTNMT, 26:2010/BTNMT.
1.4	Giám sát nước mặt: + 01 điểm tại cống xả.	pH, COD, tổng nitơ, tổng phospho (tính theo P), DO, TSS, tổng dầu mỡ khoáng.	1 lần/ 6 tháng	So sánh QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A2.
1.5	Khí thải: + 01 điểm tháp xử lý khí thải Peni; + 02 điểm tháp xử lý khí thải Cepha.	Vết betalactam	1 lần/ 1 tháng vào giữa tháng	Giới hạn theo GMP-WHO phân tích tại phòng Kiểm tra Chất lượng của DOMESCO.

TT	Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	Chỉ tiêu	Tần suất	Ghi chú
1.6	Khí thải kiểm nghiệm: + 01 điểm tại tháp xử lý khí thải khu kiểm nghiệm.	CO, NO _x , SO ₂ , HCl.	1 lần/3 tháng	So sánh QCVN 19:2009/BTNMT cột B.

(Nguồn: Công văn 328/UBND-KTN ngày 28/06/2017 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc điều chỉnh, thay đổi chương trình giám sát môi trường các dự án của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO đã được UBND tỉnh Đồng Tháp phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường).

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải: dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục chất thải.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở: không có

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm:

Kinh phí hiện quan trắc môi trường hằng năm được dựa trên Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Tháp ngày 04 tháng 05 năm 2021 về việc Ban hành đơn giá quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Bảng 13: kinh phí quan trắc của dự án (thuê đơn vị có chức năng bên ngoài)

TT	Nội dung	Đơn giá (đồng)	Số mẫu	Số lần/năm	Thành tiền (đồng)
I. Nước thải trước xử lý:					
1	pH	50.500	1	4	202.000
2	BOD ₅	84.000	1	4	336.000
3	COD	84.000	1	4	336.000
4	Chlor dư	67.000	1	4	268.000
5	TSS	67.000	1	4	268.000
6	Tổng dầu mỡ khoáng	252.000	1	4	1.008.000
7	Phospho tổng	92.500	1	4	370.000
8	Nitơ tổng	92.500	1	4	370.000
9	Coliforms	101.000	1	4	404.000
10	Tổng phenol	168.000	1	4	672.000
11	Amoni	67.000	1	4	268.000
12	Tổng Xianua	168.000	1	4	672.000
II. Nước thải sau xử lý:					
1	pH	50.500	1	4	202.000
2	BOD ₅	84.000	1	4	336.000
3	COD	84.000	1	4	336.000
4	Chlor dư	67.000	1	4	268.000
5	TSS	67.000	1	4	268.000
6	Tổng dầu mỡ khoáng	252.000	1	4	1.008.000
7	Phospho tổng	92.500	1	4	370.000

TT	Nội dung	Đơn giá (đồng)	Số mẫu	Số lần/năm	Thành tiền (đồng)
8	Nitơ tổng	92.500	1	4	370.000
9	Coliforms	101.000	1	4	404.000
10	Tổng phenol	168.000	1	4	672.000
11	Amoni	67.000	1	4	268.000
12	Tổng Xianua	168.000	1	4	672.000
III. Không khí xung quanh:					
1	Bụi lơ lửng	126.000	1	4	504.000
2	Tiếng ồn	50.500	1	4	202.000
3	SO ₂	252.000	1	4	1.008.000
4	NO ₂	252.000	1	4	1.008.000
5	CO	252.000	1	4	1.008.000
6	NH ₃	252.000	1	4	1.008.000
7	H ₂ S	252.000	1	4	1.008.000
IV. Nước mặt:					
1	pH	50.500	1	2	101.000
2	DO	67.000	1	2	134.000
3	COD	84.000	1	2	168.000
4	TSS	67.000	1	2	134.000
5	Phospho tổng	94.500	1	2	189.000
6	Nitơ tổng	94.500	1	2	189.000
7	Tổng dầu mỡ khoáng	252.000	1	2	504.000
V. Khí thải khu vực kiểm nghiệm:					
1	CO	252.000	1	4	1.008.000
2	SO ₂	252.000	1	4	1.008.000
3	NO _x	252.000	1	4	1.008.000
4	HCl	252.000	1	4	1.008.000
Tổng cộng:					21.545.000

(Nguồn: hợp đồng quan trắc môi trường số 33/2022/HĐQT ngày 07/01/2022)

Vết betalactam trong nước thải và khí thải sẽ được phân tích tại phòng Kiểm tra chất lượng của công ty (VILAS 151) như sau:

Bảng 14: kinh phí quan trắc của dự án (công ty tự thực hiện)

TT	Nội dung	Đơn giá (đồng)	Số mẫu	Số lần/năm	Thành tiền (đồng)
1	Vết betalactam trong nước thải	300.000	1	12	3.600.000
2	Vết betalactam trong khí thải	300.000	2	12	7.200.000
Tổng cộng:					10.800.000

(Nguồn: phòng Kiểm tra chất lượng công ty DOMESCO, năm 2022).

Tổng cộng kinh phí thực hiện quan trắc môi trường khoảng 21.545.000 + 10.800.000 = 32.345.000 đồng/năm (Ba mươi hai triệu ba trăm bốn mươi năm nghìn đồng).

CHƯƠNG VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trong 02 năm 2020 ÷ 2021 không có kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở.

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Trên cơ sở phân tích, so sánh thực tế vận hành với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt của dự án, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESO cam kết như sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường;

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể như sau:

+ Tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường, nghiêm túc thực hiện đúng Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật liên quan;

+ Thực hiện nghiêm túc chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã trình bày trong báo cáo gồm:

- Quản lý các công trình xử lý nước thải và thu gom chất thải rắn theo đúng phương án đã đề ra.
- Các nguồn thải sẽ được kiểm soát chặt chẽ và nồng độ các chất ô nhiễm phát thải vào môi trường đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn như sau hoặc hiện hành theo quy định của Nhà nước:
 - Độ ồn khu vực xung quanh khu vực dự án đảm bảo theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT;
 - Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom và xử lý theo điều 75 & Điều 78 Luật bảo vệ môi trường năm 2020 của Quốc Hội ngày 17/11/2020 về phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt & Xử lý chất thải rắn sinh hoạt;
 - Toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường được phân loại, thu gom và xử lý theo điều 82 Luật bảo vệ môi trường năm 2020 của Quốc Hội ngày 17/11/2020 về xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường;
 - Chất thải nguy hại phát sinh được phân loại, thu gom và xử lý theo điều 83 & Điều 84 Luật bảo vệ môi trường năm 2020 của Quốc Hội ngày 17/11/2020 về khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển & Xử lý chất thải nguy hại.
 - Thu gom toàn bộ nước thải phát sinh dẫn về hệ thống xử lý nước thải và đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, Kq = 0,9,

Kf = 1,1 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Hải Thượng Lãn Ông.

- Thu gom và xử lý khí thải khu vực kiểm nghiệm đạt QCVN 19:2009/BTNMT , Cột B, Kp= 1, Kv =1.
- Thu gom và xử lý toàn bộ khí thải betalactam của nhà máy Cephalosporin và Penicillin theo quy định của GMP-WHO;

- Cam kết thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ theo phương án đã đề ra trong báo cáo này và trình nộp cơ quan quản lý môi trường theo quy định.

- Cam kết khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp có sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình hoạt động của dự án.

Sau khi được phê duyệt Giấy phép môi trường, chúng tôi cam kết thực hiện đúng nội dung của Giấy phép môi trường đã được phê duyệt và xin chịu hoàn toàn trước pháp luật nếu vi phạm. Tuy nhiên, trong trường hợp xảy ra sự cố, rất mong nhận được sự hỗ trợ từ các cơ quan chức năng trong việc ứng cứu kịp thời và khắc phục sự cố.